



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX
194 Nguyễn Công Trứ - Quận 1-TP.HCM
Điện thoại: 38.292.806 – Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2021

Số: **0012** /2021/SAV/CBTT/CV

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Công ty: Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex.

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62.50.88.57 Fax (08) 37.17.99.34

Người thực hiện công bố thông tin: Văn Anh Tuấn – Phòng Kế hoạch

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62.50.88.57 Fax (08) 37.17.99.34

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.




Nơi nhận:


- Như trên,
- Lưu Văn thư & Cbtt

VĂN ANH TUẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

 (028) 6250 8857

 (028) 3717 9934

 info@savimex.com

 www.savimex.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**“VÌ MỘT SAVIMEX TOÀN CẦU, NHANH HƠN
TỐT HƠN, RẺ HƠN”**

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG

5

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

57

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

75

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

81

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

91





CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Các giải thưởng tiêu biểu	10
Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh	13
Sơ đồ tổ chức	17
Định hướng phát triển	19
Các nhân tố rủi ro	21



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Tên Tiếng Anh Savimex Corporation

Mã cổ phiếu SAV

Vốn điều lệ 145.998.550.000 đồng

Trụ sở chính 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. HCM

Điện thoại (028) 6250 8857

Fax (028) 3717 9934

Email info@savimex.com

Website www.savimex.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKDN 0302317892 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2001, thay đổi lần thứ 19 ngày 06/08/2020.

Quá trình hình thành và phát triển

- 1995** Thành lập SAVIDECOR chuyên hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, trang trí nội thất và sản xuất đồ gỗ nội thất chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước.
- 1994** Đổi tên thành Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex; tên giao dịch quốc tế là Savimex Corporation.
- 1993** Thành lập nhà máy Savi – kỹ nghệ gỗ (Saviwoodtech), hợp tác với công ty Marunaka; Thành lập trung tâm xây dựng và phát triển nội thất để thực hiện các công trình trang trí nội thất, trang bị đồ gỗ cho nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng...
- 1992** Hợp tác với Công ty Japan Nippon Furniture (JNF) tiếp nhận dây chuyền sản xuất gỗ tinh chế sang Nhật Bản.

MỞ RỘNG VÀ ĐỔI MỚI

- 1991** Đây là giai đoạn hoạt động khởi sắc của Công ty và xác định vai trò hàng đầu của Công ty trong ngành chế biến gỗ ở Việt Nam về các mặt: công nghệ, quy mô, trình độ quản lý và chất lượng sản phẩm.
- 1991 - 1999** Đây là giai đoạn hoạt động khởi sắc của Công ty và xác định vai trò hàng đầu của Công ty trong ngành chế biến gỗ ở Việt Nam về các mặt: công nghệ, quy mô, trình độ quản lý và chất lượng sản phẩm.
- 1987 - 1991** Mở rộng thị trường sang Liên Xô, Nhật, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là ván sàn, gỗ tròn, gỗ xẻ...
- 1985-1986** Công ty được thành lập ngày 29/8/1985 với tên gọi là Công ty hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu với Lào (SAVIMEX) với hoạt động khai thác gỗ, nhựa thông xuất khẩu và cung cấp các hàng công nghiệp tiêu dùng sang Lào.

THÀNH LẬP

Tháng 3/2020, Savimex tung ra thị trường thương hiệu MOHO – được thiết kế bởi nhà thiết kế châu Âu. Trong năm 2020, đã có hơn 150 mẫu thiết kế được ra mắt, bao gồm các sản phẩm theo phong cách cổ điển lẫn hiện đại mà khách hàng yêu thích. Bên cạnh đó chúng tôi còn có 1 số dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu người Việt Nam

Công ty tăng vốn điều lệ từ 139.237.730.000 đồng lên 145.998.550.000 đồng hiện tại thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 99.634.500.000 đồng lên 139.237.730.000 đồng hiện tại thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Được tập đoàn ELAND (Hàn Quốc) đầu tư với mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu về ngành đồ gỗ trong tương lai.

Đầu tư từng bước để thay dần máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, lao động, nguyên vật liệu...

Thành lập Công ty Liên doanh chế biến gỗ Champa – Savi tại Lào.

TRƯỞNG THÀNH VÀ HỘI NHẬP

- 2007** Thành lập xí nghiệp sản xuất Bao bì Carton (SAVIPACK) với dây chuyền máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đài Loan.
- 2004** Đầu tư thêm một nhà xưởng mới với dây chuyền chế biến gỗ hoàn chỉnh hiện đại nhập từ Nhật để sản xuất sản phẩm xuất khẩu cho thị trường Mỹ, EU và đồ gỗ trong nước; Hiện đại hoá công nghệ quản lý: triển khai vận hành ERP với phần mềm Oracle E-Business Suite (Special Edition).
- 2003** Đầu tư một dây chuyền công nghiệp chế biến gỗ hoàn chỉnh từ tạo dáng đến khâu sơn (công nghệ sơn Enamel đạt độ bóng 100%) để sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Mỹ.
- 2002** Chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán với mã cổ phiếu SAV; Nhà máy SATIMEX là Nhà máy chế biến gỗ đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO-14001.
- 2001** SAVIMEX tích cực tiến hành cổ phần hóa công ty và chuyển sang công ty cổ phần từ 01/06/2001; Công ty đồng thời triển khai chương trình hiện đại hóa để nâng cấp công ty, chuẩn bị thích ứng với giai đoạn hội nhập.
- 1997** SAVIMEX triển khai xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001.
- 1996** SAVIMEX triển khai 2 chương trình: cổ phần hóa và hiện đại hóa Công ty

2020

2016 - 2019

2014

2012 - 2013

2008

HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN

Các giải thưởng tiêu biểu

Bằng khen của UBND Tp.HCM, về thành tích trong thực hiện kế hoạch năm 1995, theo quyết định 1189/TĐKT-UB ngày 1/4/1996;



Bằng khen của UBND Tp.HCM, về thành tích trong thực hiện kế hoạch năm 1996, theo quyết định 1123/BK-UB ngày 22/3/1997;

Đoàn Thanh niên SAV đạt giải thưởng “Nguyễn Văn Trỗi” dành cho những thanh niên công nhân tiêu biểu nhất của sự cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động, có nhiều sáng kiến cải tiến, đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng lao động, làm lợi cho doanh nghiệp và xã hội vào tháng 10 năm 2015;

Công nhận thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình “Thương hiệu Quốc gia”;

Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, vì thành tích trong công tác từ năm 1995-1997, theo quyết định 776/TTg ngày 24/8/1998;

Huân chương lao động hạng 3, vì đã có thành tích trong công tác từ năm 1995-1999, theo quyết định 378/KT/CT ngày 31/8/2000;

Giấy khen của Tổng Công ty thương mại Sài Gòn, về thành tích toàn diện “5 chỉ tiêu” theo quyết định 48/QĐ-TCTy ngày 13/2/2001;

Bằng khen của Thủ tướng nước Cộng hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào về các hoạt động từ thiện;

Bằng khen của UBND Tp.HCM về công tác “Đền ơn đáp nghĩa”;

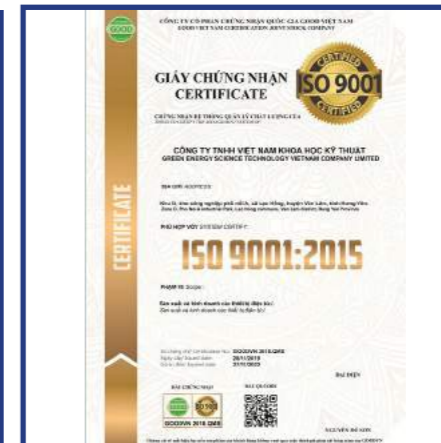
Bình chọn là Sản phẩm công nghiệp chủ lực của Tp.HCM;

UBND Tp.HCM tặng cờ truyền thống cho tập thể CB-CNV CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty ngày 29/08/2005;

Sản phẩm Việt uy tín chất lượng năm 2006;

500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam năm 2007;

Các chứng chỉ quốc tế: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; SA 8000 về trách nhiệm xã hội; chứng nhận bảo vệ rừng FSC



Top 5 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hoá nhỏ có báo cáo quản trị công ty tốt nhất năm 2020

SCS Global Services does hereby certify that an independent audit has been completed and conformity to the applicable standard(s) has been confirmed for:

Savimex Corporation

123 Thung Son Street, Binh Chieu Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

This single site certificate covers the production of indoor furniture product using the transfer system.

The facility(s) are hereby Chain of Custody certified to sell products as:

FSC 100%

The assessment has been conducted by SCS Global Services in accordance with the protocols of the Forest Stewardship Council® (FSC®).

FSC Standard: FSC-STD-40-004 V3-0: FSC-STD-50-001 V2-0

Certificate Code: SCS-COC-006445 Trademark License Code: FSC-C126869

Valid from: 31 August 2018 Expiry date: 06 November 2022



The mark of responsible forestry



Ngành nghề kinh doanh



SAVIMEX

Là đơn vị chuyên sản xuất, gia công và xuất khẩu đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất theo phong cách hiện đại và cổ điển. Ngoài ra, SAVIMEX còn có một số đơn vị trực thuộc kinh doanh sản xuất ở nhiều lĩnh vực khác nhau:



SAVIPACK: sản xuất kinh doanh bao bì giấy, in trên bao bì khép kín... đáp ứng nhu cầu nội bộ công ty và các nhu cầu trong nước;



SAVIHOMES: chuyên chức năng giao dịch mua bán địa ốc, xây dựng dự án các khu dân cư, nhà ở và chung cư cho mọi đối tượng;



SAVIDECOR: chuyên đầu tư, thi công và trang trí nội ngoại thất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, khu công nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư;

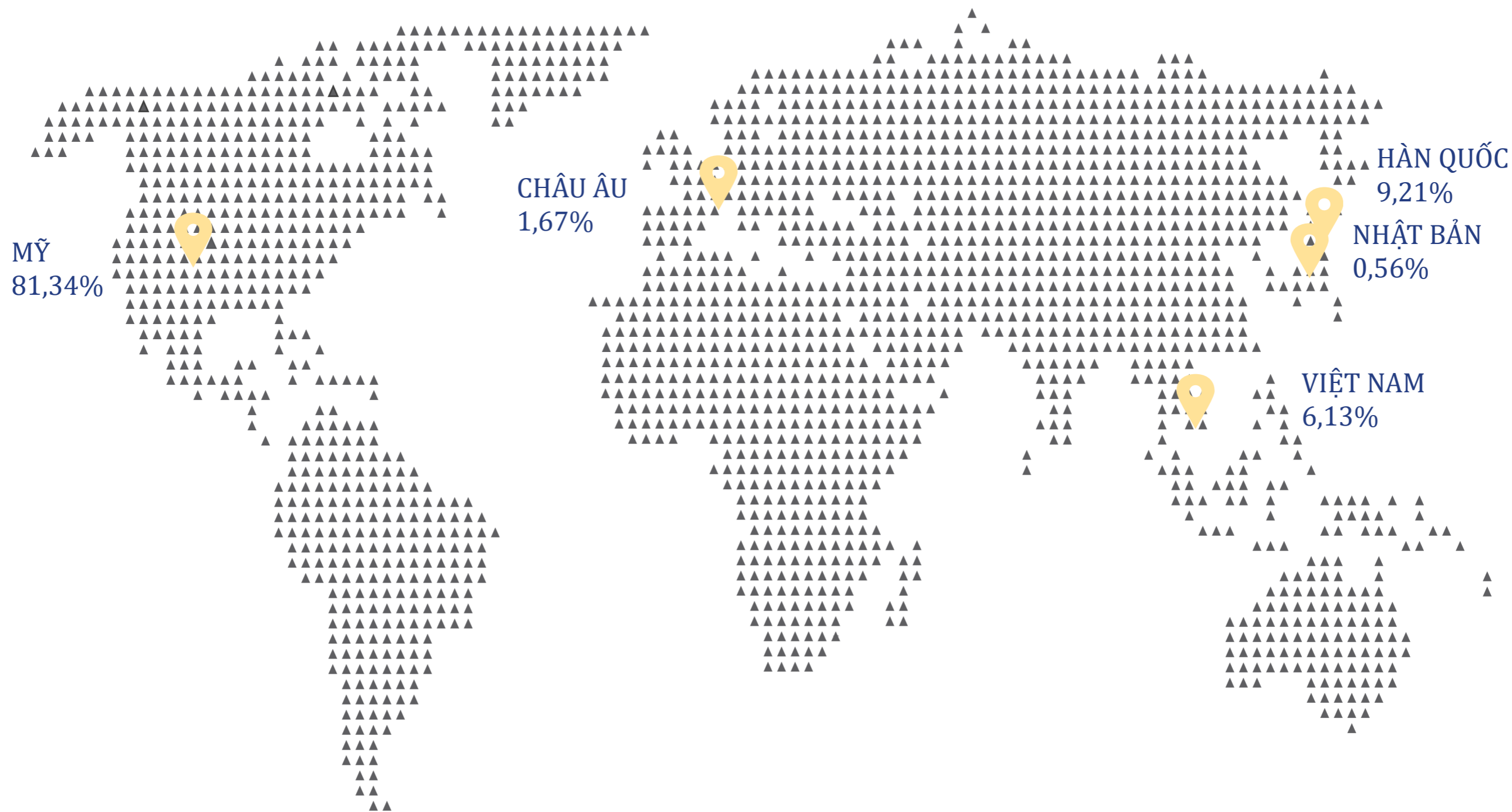


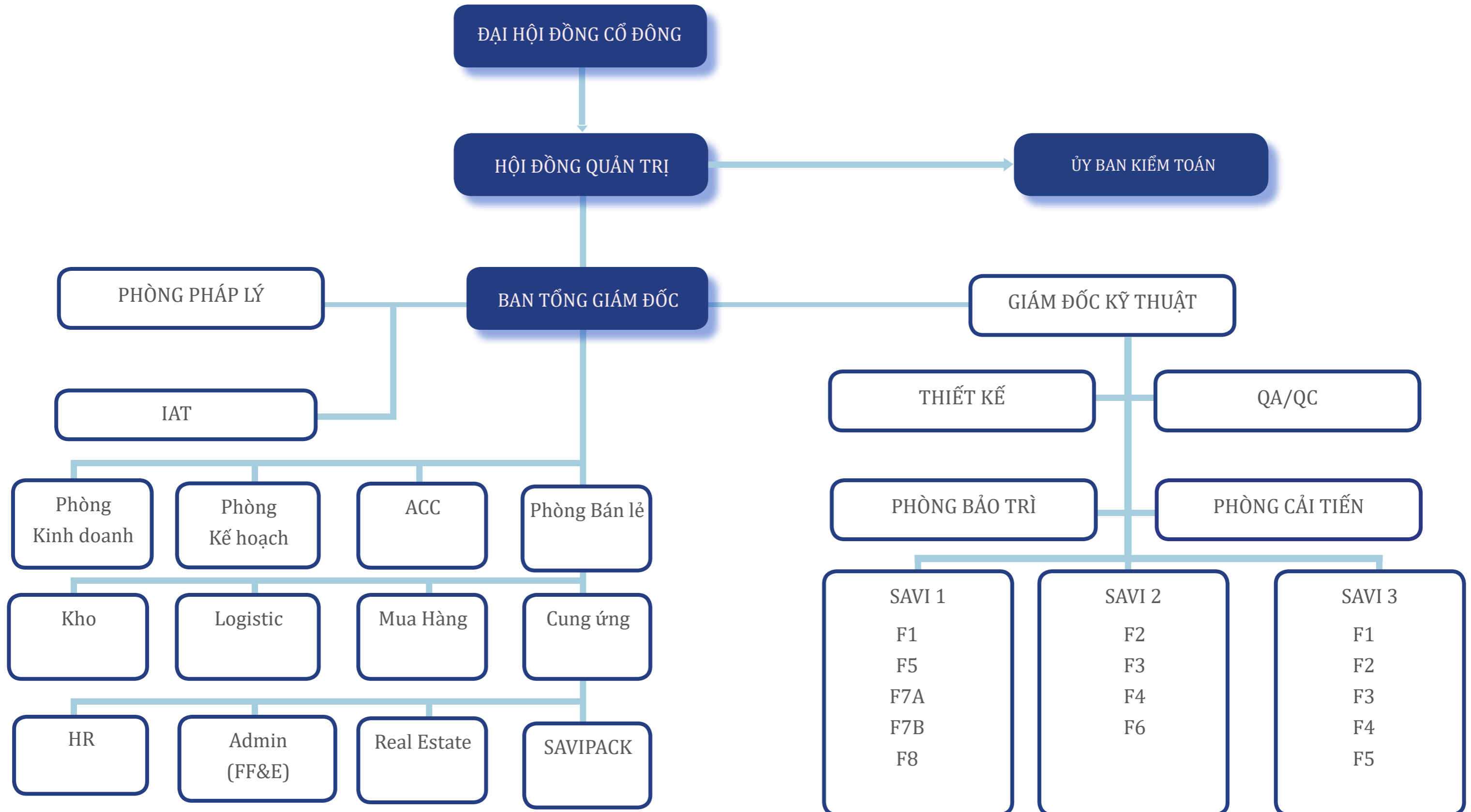
CHAMPA-SAVI: đơn vị liên doanh tinh chế đồ gỗ xuất khẩu của tỉnh Champasak Lào, giúp SAVIMEX có được nguồn nguyên liệu gỗ ổn định cho hoạt động sản xuất của các nhà máy tại Việt Nam.



Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của SAVIMEX đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường như: Mỹ, Nhật Bản, EU, Úc, Hàn Quốc... Ngoài ra, SAVIMEX còn cung cấp thiết kế, trang trí nội thất và sản phẩm gỗ cho một số dự án tại các thành phố lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đắk Nông. Với hơn 30 năm trong ngành đồ gỗ cùng đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty đang không ngừng đổi mới để cung cấp những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.





Định hướng phát triển



TẦM NHÌN

Bằng cách làm việc sáng tạo hàng ngày, chúng tôi đang từng bước vững chắc tiến tới ước mơ trở thành một trong các công ty sản xuất đồ gỗ hàng đầu thế giới và là một trong những nơi cung cấp môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Khách hàng: Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.

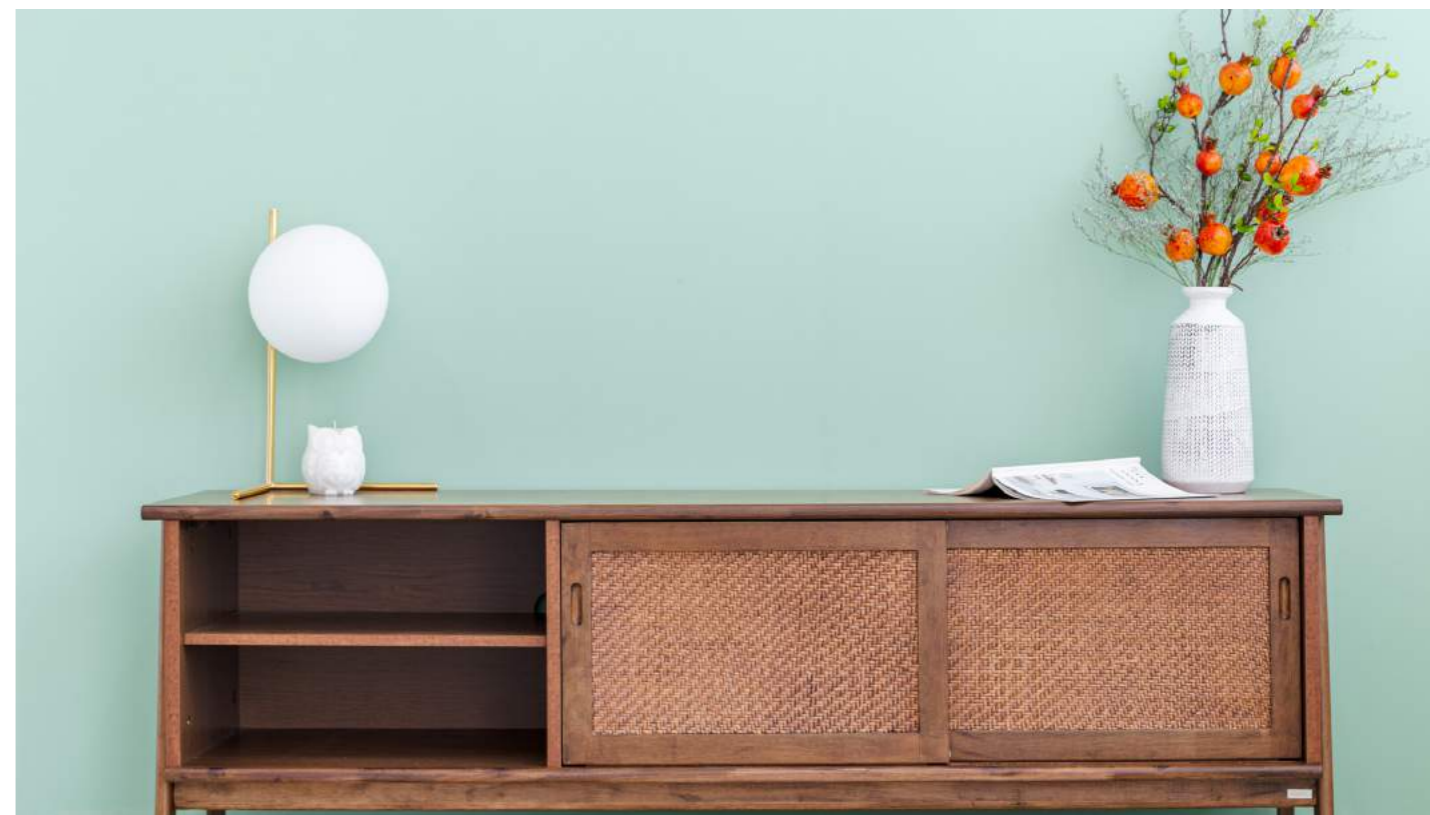
Nhân viên: Mang đến sự tự tin hơn trong cuộc sống cho nhân viên thông qua việc đóng góp đầy ý nghĩa của họ.

Cổ đông: Mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư, sự tin tưởng vào trí thức và tính chính trực của chúng tôi.

Cộng đồng xã hội: Đóng góp nhiều hơn cho xã hội; đồng thời phát triển con người và kinh doanh trên nền tảng trí thức và tính chính trực.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ✓ **Phục vụ khách hàng:** Khách hàng là thượng đế, cộng đồng là gia đình. Chúng tôi làm việc phục vụ khách hàng bằng hết tất cả đam mê và tính chính trực của mình.
- ✓ **Chính trực:** Tích cực xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh.
- ✓ **Chủ động:** Nắm bắt sự chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh luôn là tôn chỉ hàng đầu của chúng tôi.
- ✓ **Đam mê cho sự xuất sắc:** Cá nhân xuất sắc sẽ khởi tạo công ty xuất sắc, gia đình xuất sắc, xã hội xuất sắc. Bằng cách làm việc sáng tạo không ngừng, chúng tôi hàng ngày đang hoàn thiện hơn những con người của mình.
- ✓ **Sẵn sàng chia sẻ & học hỏi:** Tinh thần đoàn kết là yếu tố cốt lõi của mọi công ty. Mọi cá nhân trong Savimex đều nêu cao tình đoàn kết, sẵn sàng chia sẻ, học hỏi lẫn nhau, cùng giúp nhau tiến bộ không ngừng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thực hiện phương châm phát triển “Vì một Savimex toàn cầu, nhanh hơn, tốt hơn, rẻ hơn; Vươn tới Châu Á, vươn tới toàn cầu”, SAV xác định chiến lược phát triển với ba trụ cột chính là

- Nâng cao thị phần thị trường trong nước, đưa Công ty trở thành nhà cung cấp sản phẩm nội thất hàng đầu tại Việt Nam.

 - Đa dạng hóa danh mục sản phẩm để người tiêu dùng có được trải nghiệm phong phú và tiện ích.
- Tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu

 - Tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập trung vào chất lượng của sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn khắc khe của thị trường nước ngoài;
 - Nắm bắt tốt các lợi thế được mang lại từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.
- Ứng dụng các quy trình quản trị tiên tiến, hoàn thiện mô hình và hoạt động quản trị

 - Nghiên cứu, triển khai hoạt động tái cấu trúc nhằm hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản trị, đảm bảo tăng trưởng ổn định và hiệu quả
 - Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ đưa hệ thống ERP đi vào vận hành, nâng cao sự đồng bộ và chuẩn hóa trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.



“

PHƯƠNG CHÂM

Vì một Savimex toàn cầu, nhanh hơn, tốt hơn, rẻ hơn; Vươn tới Châu Á, vươn tới toàn cầu

”

Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo Thứ trưởng Cao Quốc Hưng cho rằng, thương mại toàn cầu thời gian qua mặc dù đã có những tín hiệu khởi sắc nhưng vẫn tiềm ẩn những biến động khó lường khi quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa các nền kinh tế lớn đang trở nên căng thẳng.

Chiến tranh thương mại giữa các cường quốc và chủ nghĩa bảo hộ mang đến những nguy cơ, tác động tiêu cực đối với xuất khẩu của Việt Nam nói chung và ngành chế biến gỗ nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành gỗ Việt Nam trong thời gian qua có sự đóng góp rất lớn từ sự thông thoáng của hệ thống pháp luật trong nước cùng với các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới được Việt Nam ký kết như: CPTPP, EVFTA và Hiệp định RCEP.



Rủi ro cạnh tranh

Ngành chế biến gỗ hiện nay đang ở giai đoạn phát triển khởi sắc, thu hút sự quan tâm của hiệp hội ở nhiều địa phương tạo nên quy mô lớn mạnh cả về sản xuất lẫn xuất khẩu. Cả nước có gần 5.000 doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư vào sản xuất, chế biến đồ gỗ xuất khẩu. Có được kết quả này là bởi Việt Nam có lợi thế về kinh nghiệm sản xuất cũng như nguồn nguyên liệu khá dồi dào.

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường đánh giá, chế biến và xuất khẩu gỗ là một trong những lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh nhất của ngành nông nghiệp thời gian qua. Về lịch sử, chế biến gỗ xuất phát từ ngành làm mộc truyền thống lâu đời và nhiều nghệ nhân khéo léo, tay nghề cao, một số doanh nghiệp Việt Nam cũng đang dần phát triển theo ngành nội thất cao cấp, với các mặt hàng đa dạng.

Bên cạnh đó, còn có sự gia tăng cạnh tranh của các nước sản xuất chính trên thế giới, cả về giá cả, mẫu mã, chất lượng... sự gia tăng đầu tư công nghệ tiên tiến để chế biến gỗ xuất khẩu của các nước ASEAN.



Biện pháp khắc phục:

Nhằm hạn chế các tác động của rủi ro kinh tế, Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi, đánh giá và phân tích tác động đến Công ty để có kế hoạch hành động kịp thời. Lên kế hoạch cụ thể tình hình sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện của từng hiệp định.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chuẩn bị sẵn các phương án thích nghi với nền kinh tế đầy biến động của cả thế giới và Việt Nam. Nhằm đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, giữ vững việc làm cho công nhân viên.

Vì để xuất khẩu qua các nước Châu Âu phải đáp ứng đủ yêu cầu khắt khe, phải đảm bảo được chất lượng đồng nhất, sản phẩm phải có nguồn gốc rõ ràng, cộng thêm đáp ứng khai thác gỗ nhưng vẫn phải đáp ứng đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đặc biệt đối với ngành nội thất, yêu cầu về mặt thẩm mỹ càng cao đi kèm với chất lượng, và đặc biệt phải đảm bảo phát triển bền vững về trồng cây gây rừng, nguồn gốc xuất xứ gỗ nguyên liệu.

Biện pháp khắc phục

Công ty chủ động phân tích thị trường, phân tích các công ty cùng ngành nhằm kịp thời thay đổi phương án kinh doanh, thiết lập các dự án phù hợp với thay đổi về nhu cầu, thị trường của ngành nội thất nói chung và ngành nội thất nói riêng, nhằm đón đầu những thay đổi trong tương lai. Đặc biệt, Công ty cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng đơn hàng đang có, gia tăng năng suất để có thể duy trì khách hàng hiện có và tìm thêm khách hàng mới.

Các nhân tố rủi ro

Rủi ro pháp luật

SAVIMEX là Công ty Cổ phần niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, hoạt động kinh doanh dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Trong đó, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán sửa đổi và được áp dụng vào ngày 01/01/2021, sẽ có sự tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty xuất khẩu chủ yếu qua thị trường Mỹ chiếm 52%, Châu Âu chiếm 4,3%, Hàn Quốc chiếm 23,5%... Đây đều là những thị trường có Luật Thương mại rất khắt khe.

Biện pháp khắc phục

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật của Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ phù hợp với sự thay đổi.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2020 cho thấy, nguyên liệu gỗ trong nước đáp ứng được khoảng 75% nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên, trong 75% đó tỷ lệ nguyên liệu gỗ đạt chất lượng cao không nhiều, mà phần lớn là chất lượng gỗ còn thấp do khai thác sớm, gỗ còn non.

Bên cạnh đó, tỷ lệ gỗ nguyên liệu có nguồn gốc xuất xứ theo các tiêu chuẩn quốc tế là rất thấp. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu về chất lượng đạt chuẩn quốc tế, Công ty nhập khẩu thêm nguyên vật liệu với giá thành cao, tác động lên hoạt động sản xuất kinh doanh luôn bị chi phối của biến động giá nguyên liệu.

Biện pháp khắc phục

Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên dự báo tình hình giá cả thị trường, quản lý toàn bộ kho, đánh giá và quản lý nhà cung cấp và có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý để phòng tránh rủi ro biến động giá, và Công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn hàng mới vừa đảm bảo chất lượng vừa có giá cả hợp lý.



Các nhân tố rủi ro

Rủi ro tỷ giá

Tình hình tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh trong năm 2020 do chịu sự tác động nhiều chiều, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19, khiến cho nhiều đồng tiền trên thế giới biến động thất thường. Theo tỷ giá USD so với VND niêm yết tại các ngân hàng thương mại, tỷ giá trung tâm giảm, nhưng trên thị trường tự do tăng. Tại Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm vào tháng 01/2021 của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.151 VND/USD (giảm 9 đồng so với 12/2020).

Tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước ở mức 23.125 - 23.796 VND/USD (mua vào - bán ra), giữ nguyên giá mua vào nhưng giảm 9 đồng giá bán. Mà Công ty chủ yếu xuất khẩu vào thị trường Mỹ (chiếm 52% doanh thu), các hợp đồng giao dịch thông qua đồng USD nên việc tỷ giá thay đổi tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Biện pháp khắc phục

Nắm được những rủi ro về tỷ giá, Công ty đã có những biện pháp để phòng tránh rủi ro, giúp ổn định trước những biến động của thị trường Việt Nam và Mỹ. Vì vậy, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá, luôn tổ chức các buổi phổ biến về tỷ giá cho nhân viên có liên quan của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty mua thêm các hợp đồng kinh tế nhằm hạn chế tối đa rủi ro tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy như bão lớn, hỏa hoạn có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, con người và hoạt động của Công ty. Đặc biệt, đối với ngành gỗ rủi ro hỏa hoạn càng được lưu ý hơn cả. Đây là những rủi ro thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và tinh thần đối với Công ty.

Biện pháp khắc phục

Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty thực hiện tuyên truyền nhận thức phòng ngừa khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra, đồng thời cải thiện chính sách phòng ngừa rủi ro cho năm sắp tới.



CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	31
Tổ chức và nhân sự	35
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	45
Tình hình tài chính	47
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	51
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	53



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ (giảm)
1	Doanh thu thuần	871	943	8,35%
2	Giá vốn hàng bán	744	802	7,88%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	4	7	56,90%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	43	75	75,51%
5	Lợi nhuận khác	-6	-17	-172,15%
6	Lợi nhuận trước thuế	36	58	58,76%
7	Lợi nhuận sau thuế	25	48	88,31%
8	Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.614	3.461	114,44%



Nhận xét

Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cũng chỉ ra triển vọng về sự phát triển của ngành gỗ thời gian tới. “Bên cạnh các chính sách hỗ trợ kịp thời của Chính phủ trong giai đoạn đỉnh điểm của đại dịch, chúng ta cũng chứng kiến những chuỗi cung ứng hoàn toàn không bị đứt gãy, thậm chí còn phát triển hơn trước giai đoạn đại dịch, điển hình như các mặt hàng tủ bếp, tủ nhà tắm, ván trang trí... Điều này có nghĩa là sản phẩm chiến lược tạo cho doanh nghiệp Việt có bước bứt phá”.

Bên cạnh đó, do dịch bệnh khiến người dân tự giãn cách ở nhà, nên nhu cầu về các đồ dùng trong nhà tăng cao, kích thích tiêu dùng các sản phẩm nội thất, đặc biệt các sản phẩm về gỗ bền theo năm tháng. Vì vậy, trong mùa dịch đã tạo cơ hội tốt tăng doanh thu Công ty lên cao nhất trong vòng 5 năm. Doanh thu năm 2020 đạt 943 tỷ đồng tăng 8,35% so với năm 2019.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ Gỗ xuất khẩu	807	92,73%	886	93,93%
Doanh thu từ Gỗ nội thất	11	1,23%	11	1,14%
Doanh thu từ Hàng hóa (Đồ dùng nhà bếp)	3	0,36%	0,79	0,08%
Doanh thu từ Kinh doanh Bất động sản đầu tư	10	1,08%	10	1,02%
Doanh thu từ Địa ốc	14	1,62%	11	1,12%
Doanh thu từ Bao bì	20	2,33%	20	2,11%
Doanh thu từ các hoạt động khác (phế liệu, phí thu lại khách hàng...)	6	0,65%	6	0,60%
Tổng cộng	871	100,00%	943	100,00%

Nhận xét

Nhìn chung trong năm các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đều đạt kết quả tốt. Cụ thể, doanh thu thuần Công ty đạt 943 tỷ đồng tăng 8,35%. Doanh thu của Công ty chủ yếu được đóng góp từ sản phẩm cốt lõi của Công ty - gỗ nội thất đạt 886 tỷ đồng, chiếm 93,93% trong cơ cấu doanh thu năm 2020.

Tiếp theo sau lần lượt là sự đóng góp từ lĩnh vực bao bì và lĩnh vực bán và cho thuê bất động sản. Với chiến lược tập trung tăng trưởng sản phẩm cốt lõi - gỗ xuất khẩu, đưa sản phẩm chất lượng, bền vững đến tay người tiêu dùng.

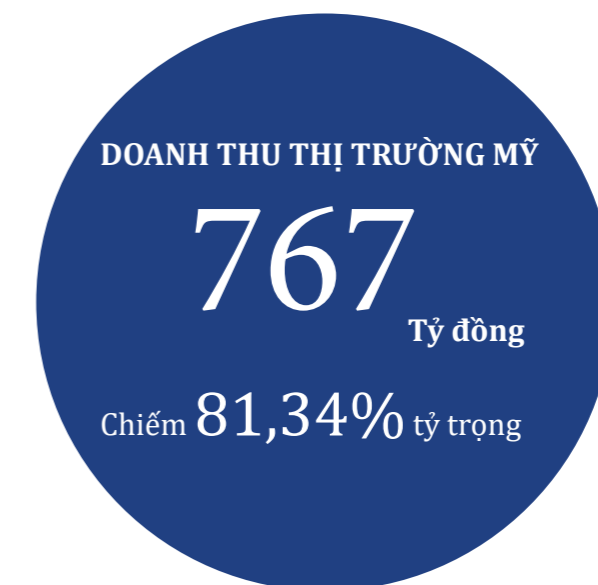
Bên cạnh đó, nhờ vào tình hình dịch bệnh làm cho các doanh nghiệp cho nhân viên làm việc ở nhà, khiến cho nhu cầu về nội thất nhà ở tăng cao, đặc biệt các sản phẩm từ gỗ, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty xuất khẩu đáp ứng nhu cầu của khách hàng, làm cho doanh thu thuần của công ty tăng lên.

Doanh thu theo địa bàn hoạt động:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Mỹ	629	75,83%	767	81,34%
Hàn Quốc	96	11,51%	87	9,21%
Nhật	39	4,72%	5	0,56%
EU	20	2,44%	16	1,67%
Việt Nam	8	1,00%	58	6,13%
Khác (Hongkong, Singapore...)	79	4,50%	10	1,09%
Tổng cộng	871s	100%	943	100%

Doanh thu SAVIMEX chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu. Trong năm 2020, Công ty tập trung xuất sang tại thị trường Mỹ, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua Mỹ từ 75,83% năm 2019 lên 81,34% năm 2020.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổ chức nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch	-
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch	-
3	Kim Soung Gyu	Thành viên	Đại diện 40,72%
4	Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên	-
5	Trần Như Tùng	Thành viên	-
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên	
8	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên	
II BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc	
2	Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất	
3	Mai Thị Huyền Thanh	Kế toán trưởng	



Ông LEE EUN HONG - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1961
Quốc tịch	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	Đại học Yonsei – Kỹ sư điện, Cử nhân Quản lý doanh nghiệp

Quá trình công tác

1990 - 1993	Tập đoàn E- Land (E-Land World)
1993 - 1995	Công ty E-Land Việt Nam
1996 - 2005	Công ty E-Land Srilanka
2006 - 2009	Giám đốc chiến lược - Tập đoàn E-Land (Korea)
2009 - 2015	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
2017 - 2018	Phó Tổng GD Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
19/08/2020 Nay	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và xuất khẩu SAVIMEX



Ông LIM HONG JIN - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1966
Quốc tịch	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	Đại học – Chuyên ngành Sinh học và Giáo dục

Quá trình công tác

03/1992 – 02/1995	Nhân viên kinh doanh Công ty E-land World
03/1995 – 02/2003	Trưởng phòng mua hàng nước ngoài của Công ty E-land World
03/2003 – 12/2007	Quản lý Khu vực của Công ty E-land World
01/2008 - 02/2010	Giám đốc điều hành Công ty bán lẻ E-land
03/2010 - 01/2012	Quản lý sản xuất của Tập đoàn E-land
02/2012 - 10/2014	Phó Tổng giám đốc CTCP SY VINA Việt Nam
11/2014 – nay	Tổng giám đốc CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2019 – nay	Phó chủ tịch HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổ chức nhân sự



Ông KIM SOUNG GYU - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1968
 Quốc tịch Hàn Quốc
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật (LL.B)

Quá trình công tác

01/1995 - 12/1998	Quản lý Phòng Pháp chế tại E-Land
01/1999 - 12/2000	Brand Manager tại LEAD Character Division
01/2001 - 12/2002	Trưởng phòng Pháp chế tại E-Land
01/2003 - 07/2006	Trưởng phòng M&A tại E-Land World
05/2008 - 12/2008	Trưởng phòng dự án bất động sản tại E-Land Construction
01/2009 - 08/2009	Trưởng phòng M&A tại E-Land World
08/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng chiến lược đầu tư, Thành viên Hội đồng quản trị tại CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex



Bà MAI THỊ HUYỀN THANH - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh 1984
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân chuyên ngành Tài chính - ngân hàng

Quá trình công tác

10/2006 - 06/2009	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Kế Toán & Tư Vấn V.L.C
07/2009 - 11/2012	Kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Immanuel
12/2012 - 12/2015	Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung
07/2016 - 02/2017	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
06/2017 - nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex



Ông TRẦN NHƯ TÙNG - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1973
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD chuyên ngành Quản trị Chiến lược

Quá trình công tác

1997 - 2002	Trưởng bộ phận cước phí Trung tâm Internet Sài Gòn
2002 - 2005	Chuyên viên CNTT Công ty LD Coast Phong Phú
2005 - 2008	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn
2008 - 2011	Trưởng phòng Đầu tư Chiến lược Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương Mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex



Bà HUỖNH THỊ THU SA - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1982
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật, Luật sư

Quá trình công tác

2004 - nay	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
04/2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổ chức nhân sự



Bà NGUYỄN THỊ THU YẾN - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1980
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

2004 - 2009	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC)
2009 - 2012	Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel - chi nhánh HCM
2013 - 2016	Công Ty TNHH Komax Việt Nam
2017 - nay	Công Ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex



Bà NGÔ THỊ YẾN TRANG - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1989
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ quản trị kinh doanh và Thạc sĩ kinh doanh quốc tế

Quá trình công tác

2011 - 2015	Senior Audit & Senior Advisory Service tại EY Việt Nam
2018	Finance Manager tại Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ
2019 - nay	Senior Strategy Manager tại Medical Diag Center
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ban kiểm toán nội bộ CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

- Ông Kim Jung Hoen - Chủ tịch HĐQT - Từ nhiệm ngày 17/03/2020.
- Ông Trần Như Tùng - Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 22/05/2020, từ nhiệm ngày 19/08/2020.
- Ông Lee Eun Hong - Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 19/08/2020.



Ông SONG JUN HONG - Giám đốc Sản xuất

Năm sinh 1957
Quốc tịch Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn Quản lý sản xuất

Quá trình công tác

Từ 1/2015 đến nay	Giám đốc Sản xuất
-------------------	-------------------





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	1.219	100%
1	Cao đẳng, đại học, trên đại học	150	12,31%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	46	3,77%
3	Sơ cấp chuyên nghiệp	2	0,16%
4	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	1.021	83,76%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.219	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	423	34,70%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	745	61,12%
3	Hợp đồng theo thời vụ	51	4,18%

Thu nhập bình quân

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số lượng người lao động (người)	1.093	1.219
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.361.779	8.656.608



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Trong vài năm trở lại đây cùng với mức tăng trưởng “nóng”, ngành sản xuất gỗ đang đối mặt với thách thức lớn về nguồn nhân lực, bao gồm cả lao động phổ thông lẫn đội ngũ kỹ sư. Nhận thấy được vấn đề này, Công ty đã và đang đẩy mạnh đào tạo nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng cho toàn bộ nhân viên nhằm nâng cao tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm, gắn liền với văn hóa của Công ty. Điều này góp phần giúp Công ty có đủ tiềm lực để ứng phó với những chuyển biến phức tạp của thị trường, hướng tới sự phát triển bền vững của Công ty.



STT	Nội dung đào tạo	Thời lượng đào tạo (giờ)	Số lượng (người)
1	Đào tạo đội ngũ kế thừa – F2 training	144	122
2	Đọc bản vẽ kỹ thuật	128	42
3	Đào tạo nhận thức ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và SA 8000:2014	8,5	1219
4	Lớp Ngôn ngữ Hàn	192	5
5	Lớp Ngôn ngữ Anh	144	26
6	Lớp Ngôn ngữ Việt	38	1
7	Sơ cấp cứu	4	40
8	Đào tạo an toàn lao động	8	858
9	Đào tạo thực tập Phương án PCCC	24	38



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chính sách nhân sự

Công ty tạo các chương trình thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ có năng lực phù hợp mà còn được định hướng phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài cùng Công ty.

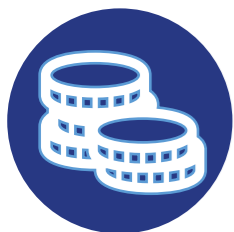


Về tuyển dụng

Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe gồm các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Các chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động trong năm 2020 gồm:

- Rút thăm may mắn ngày làm việc đầu tiên sau Tết Nguyên đán
- Khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp
- Tết Trung thu cho con em cán bộ công nhân viên
- Học bổng cho con em CB-CNV có hoàn cảnh khó khăn hoặc có kết quả học tập xuất sắc.
- Giải bóng đá chào mừng ngày kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty
- Quà giáng sinh
- Tặng quà hỗ trợ CB- CNV vì đã giữ vững tinh thần làm việc trong dịch bệnh COVID.
- Công ty tự hào là trong thời điểm dịch bệnh lan tràn, nhiều đơn hàng bị hủy hoặc kéo dài thời hạn giao hàng, không một CB-CNV nào bị Công ty cho nghỉ việc.



Về phúc lợi, đãi ngộ:



Về lương, thưởng:

Phúc lợi:

- Phúc lợi xã hội như bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp;
- Bảo hiểm tai nạn con người 24/24;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm tại các bệnh viện, phòng khám uy tín;
- Chương trình du lịch, nghỉ mát hàng năm.

Thưởng, khuyến khích:

- Lương tháng thứ 13 được chi trả vào dịp Tết cổ truyền hàng năm;
- Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện công việc.

Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng và kịp thời luôn được chú trọng xây dựng và áp dụng để gắn kết hiệu quả công việc của bộ máy nhân lực với định hướng phát triển của Nhóm Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

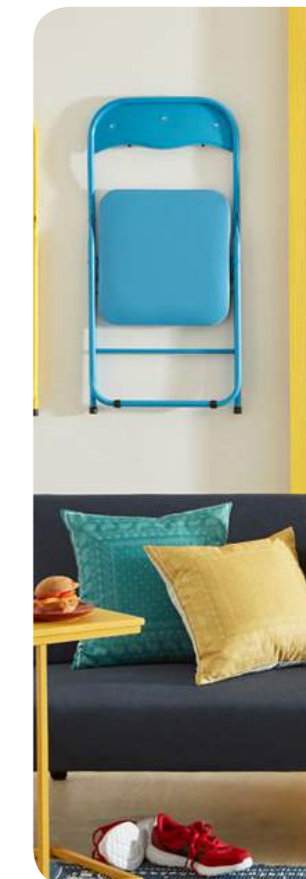
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư
1	Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyên – Quận 3	36.666.716
2	KDC Phú Thuận - Quận 7	514.394.989
3	Chung cư Ngọc Lan - Quận 7	9.511.736.024
4	Dự án Đào Trí - Quận 7	69.542.658.488
5	KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12	1.428.132
6	KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh	9.451.331.579
7	Trường Cán bộ Thành phố	184.108.055



Trong năm 2020, hoạt động chủ yếu của Trung tâm Xây dựng và kinh doanh địa ốc như sau:



Quản lý và khai thác có hiệu quả các mặt bằng: 194 Nguyễn Công Trứ Quận 1, 741 Hậu Giang và Khu thương mại Ngọc Lan.

Các dự án đất nền: tiếp tục thực hiện việc quản lý thiết kế, thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án Khu dân cư Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp.

Tập trung thu hồi công nợ còn lại của các dự án.

Tìm kiếm khách hàng chuyển nhượng dự án Đào Trí – Quận 7.

Nhận xét:

Nhìn chung trong năm 2020, hoạt động kinh doanh địa ốc tập trung giảm thiểu phát sinh chi phí, tập trung thu hồi công nợ tại các dự án đã kinh doanh, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tòa nhà, diện tích mặt bằng Savimex đang sở hữu, tìm kiếm khách hàng chuyển nhượng dự án Đào trí – quận 7.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,89	1,13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,31%	44,98%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	89,78%	81,77%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	11,22	9,55
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,35	8,33
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,70	1,76
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,91%	5,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,62%	16,59%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,95%	8,94%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,90%	7,94%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung trong năm 2020, chỉ số thanh toán của Công ty tương đối ổn định, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 1,47 lần, hệ số thanh toán nhanh đạt 1,13 lần tăng 26,97% so với năm 2019. Điều này chứng tỏ Công ty ngày càng có khả năng đáp ứng tốt hơn các khoản chi trả nợ đến hạn thanh toán.

Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2020, tài sản ngắn hạn tăng 11,42% so với năm 2019, cụ thể có khoản phải thu khách hàng tăng mạnh từ 69 tỷ đồng năm 2019 tăng lên 129 tỷ đồng năm 2020. Cho thấy, Công ty đang áp dụng các chính sách bán hàng trả tiền sau để kích thích bán hàng, tạo ưu thế cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

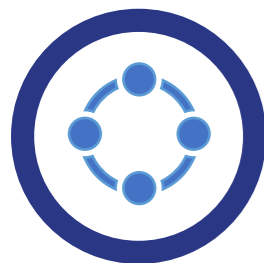


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2020, hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm lần lượt còn là 44,98% và 81,77%. Nguyên nhân, do trong năm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tăng 56,71% so với năm 2019 và lợi nhuận chưa phân phối kỳ này tăng 88,31% so với năm 2019.



Các chỉ tiêu tài chính

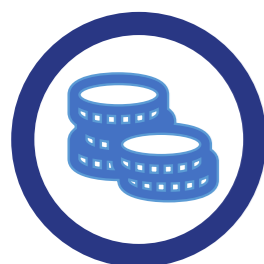


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay khoản phải thu đạt 9,55 vòng/năm, giảm 14,88% so với năm 2019. Cụ thể, khoản phải thu khách tăng mạnh từ 74 tỷ đồng năm 2019 lên 134 tỷ đồng năm 2020. Do, trong năm Công ty đang áp dụng các chính sách bán hàng trả tiền sau để kích thích bán hàng, tạo ưu thế cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đạt 8,33 vòng/năm, tăng 31,23% so với năm 2019. Điều này cho thấy Công ty đang quản trị tốt tốc độ luân chuyển hàng tồn kho, sản xuất hàng hóa hiệu quả hơn, hạn chế tình trạng ứ đọng thành phẩm, kiểm soát được lượng hàng hóa tồn kho hợp lý.

Bên cạnh đó, doanh thu thuần tăng 8,35% so với năm 2019, đã giúp chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản được duy trì mức ổn định, cụ thể vòng quay tổng tài sản đạt 1,76 vòng, là tín hiệu tích cực cho việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần tăng lần lượt 5,06% và 7,94%. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 48 tỷ đồng tương ứng tăng 88,31% so với năm 2019. Có thể thấy trong năm, năng lực hoạt động của Công ty vẫn tăng ở mức tốt, điều này góp phần tạo động lực gia tăng lợi nhuận Công ty hơn nữa trong tương lai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.599.855 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 395.770 cổ phiếu

Loại cổ phần:

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VLD
I	Cổ đông lớn			
1	Trong nước	2.989.399	29.893.990.000	20,48%
2	Nước ngoài	6.005.657	60.056.570.000	41,14%
II	Cổ phiếu quỹ	395.770	3.957.700.000	2,71%
III	Cổ đông khác			
1	Trong nước	4.050.943	40.509.430.000	27,75%
2	Nước ngoài	1.158.086	11.580.860.000	7,93%
	Tổng cộng	14.599.855	145.998.550.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Savimex đã tăng vốn từ 139.237.730.000 VNĐ lên mức 145.998.550.000 VNĐ bằng việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Do ảnh hưởng của dịch COVID, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đều có sự biến động lớn về giá cũng như số lượng, đặc biệt là nguyên liệu gỗ. Trong những tháng cuối năm 2020, giá gỗ tăng liên tục và đã tăng khoảng 40% so với hồi đầu năm.

Tuy nhiên, với lịch sử giao dịch minh bạch, thanh toán đúng hạn, Công ty đã được các nhà cung cấp trong và ngoài nước bàn giao những nguyên liệu đạt chất lượng cao, đáp ứng điều kiện được cấp chứng nhận bảo vệ và phát triển rừng – FSC.

Nhóm	Thành phần chủ yếu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng	Khả năng có thể tái chế	Khả năng không thể tái chế
NGUYÊN LIỆU	Cao su ghép	pcs	6.163	X	
		m3	538		
	Gỗ các loại	pcs	831.235	X	
		m3	10.541		
	Laminate	tấm	17.292		X
	Melamine	tấm	12.907		X
		mét	545.320		
	Veneer	m2	248.654		X
	Chỉ các loại	mét	197.605	X	
	Các loại ván khác	m3	6.209		X
tấm		66.899			
pcs		3.141.285			
HÓA CHẤT	Dung môi	lít	272.797		X
	Sơn các loại	lít	758		X
		kg	244.818		
	Giấy nhám	cuộn	270	X	
		tờ	492.381		
	Keo các loại	cuộn	64.451		X
		chai	74.434		
	kg	87.691			
PHỤ LIỆU	Khung sắt	cái	2.291		X
		bộ	761		
	Bulon các loại	cái	1.118.166		X
		bộ	344		
	Tay nắm	cái	14,277		X
	Mouse	m3	5.264	X	
		tấm	409.953		
Bản lề	cái	24.133		X	



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

a. Tiêu thụ năng lượng:

Năm 2020, nhờ áp dụng các sáng kiến cải tiến của cán bộ công nhân viên cũng như thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng, chi phí phát sinh từ việc sử dụng điện đã được kiểm soát giúp hạn chế việc lãng phí năng lượng tại Công ty. Cụ thể:

- Thay hệ thống đèn chiếu thành đèn huỳnh quang;
- Sử dụng biến tần công nghiệp cho các mô tô điện trong nhà máy;
- Ban hành các thông báo, bảng biểu nhằm tuyên truyền, yêu cầu thực hiện tiết kiệm điện;
- Theo dõi liên tục các thiết bị điện để kịp thời khắc phục khi có sự cố kỹ thuật như non tải, quá tải;
- Lên kế hoạch sản xuất, giao hàng hợp lý như hạn chế tăng ca, hoạt động vào mùa cao điểm nhằm tiết kiệm tối đa năng lượng điện.
- Đưa ra chính sách thưởng phạt đối với những sáng kiến tiết kiệm năng lượng hiệu quả.

Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng điện

- Thay các đèn sợi đốt bằng đèn compact tiết kiệm điện
- Thay các đoạn dây tải quá tải bằng đoạn dây có tiết diện lớn hơn
- Thay các đoạn dây cũ, nát, rò điện, sửa chữa các đầu nối, cầu dao, phích cắm bị phát nóng quá mức.

b. Tiêu thụ nước:

Căn cứ theo Giấy phép khai thác nước dưới đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã theo dõi và thống kê lưu lượng khai thác nước hằng ngày. Ước tính lượng nước dưới đất được khai thác, sử dụng tại Nhà máy Satimex đạt 70 – 75% lưu lượng được cấp phép khai thác. Cụ thể như sau:

Nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh, Công ty đã tái sử dụng nước nhiều lần tại các công đoạn sơn sản phẩm bằng buồng sơn màng nước. Ước tính tỷ lệ tái sử dụng nước có thể lên đến 80%.

Năm 2021, Công ty sẽ chuyển đổi từ sử dụng nguồn nước ngầm sang nguồn nước thủy cục theo quy định của thành phố. Thông qua việc cải tạo toàn bộ hệ thống đường ống phân phối nước sạch đến các khu vực, Công ty sẽ đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt cũng như hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí nước.

Tình hình sử dụng nước trong năm:

ĐVT: m3/ ngày

Nhà máy	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Satimex Quận 12	89	111	152	147	148	145	164	124	100	113	105	104
Satimex Thủ Đức	55	43	44	47	50	54	53	51	42	60	62	62

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2020 thì hầu hết các thông số ô nhiễm trong các nguồn thải của các Nhà máy, xí nghiệp trực thuộc đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép.

e. Chính sách liên quan đến người lao động

Nước sinh hoạt

Nhằm cung cấp nước sạch cho cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc, Công ty đã lắp đặt 05 (năm) hệ thống lọc nước bao gồm 04 (bốn) hệ thống đặt ở Nhà máy Satimex Quận 12 và 01 (một) hệ thống đặt tại Nhà máy Satimex Quận Thủ Đức.

Chất thải rắn

- Trang bị và bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt rải rác trong phạm vi Nhà máy để thuận tiện trong quá trình sử dụng của người lao động.
- Hướng dẫn người lao động trong việc thực hiện phân loại các loại chất thải rắn và bố trí khu vực lưu chứa phù hợp đối với từng loại chất thải này.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng trong việc thu gom, xử lý từng loại chất thải rắn tránh gây ồn ứ mất mỹ quan và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

Dự kiến trong năm tới, Công ty sẽ:

- Tăng cường bảo trì, thiết lập thêm các bộ phận giảm âm.
- Tiến hành Quan trắc môi trường trong khu vực nhà xưởng 4 lần/ năm và đo lượng nước thải với tần suất 3 tháng/ lần để có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo môi trường sạch.
- Đảm bảo nồng độ khí thải, nước thải, tiếng ồn của Công ty nằm trong giới hạn cho phép của cơ quan nhà nước.

Môi trường không khí

- Vì đặc thù ngành gỗ nên lượng bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy là rất lớn nên Công ty đã bố trí các hệ thống hút lượng bụi này tại nguồn phát sinh Hệ thống thường xuyên được Bộ phận Cơ – Điện kiểm tra và cải tiến cho phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.
- Hằng tháng Công ty thực hiện việc trang bị khẩu trang y tế, khẩu trang than hoạt tính cho người lao động để hạn chế tối đa những ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của họ.

Tiếng ồn:

Hoạt động của máy móc thiết bị tại các dây chuyền sản xuất đã được hiện đại hoá nên tác động do tiếng ồn là không đáng kể làm giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đã bố trí bộ phận chuyên trách thường xuyên kiểm tra hằng ngày về tình hình phát sinh khí thải, nước thải và chất thải rắn để có biện pháp xử lý kịp thời tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh.



Ứng hộ tài chính trong các hoạt động:

- CB- CNV trích 1/2 ngày lương ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung;
- Tài trợ cho các mái ấm ở Bến Tre, Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội;
- Quyên góp hỗ trợ tiền viện phí cho công nhân bị mắc bệnh hiểm nghèo;
- Tặng 10 phần quà Tết cho các gia đình neo đơn, khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán tại phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.



Thường xuyên tiếp xúc với người dân xung quanh để lắng nghe các ý kiến phản hồi về tình hình môi trường trong quá trình hoạt động của các Nhà máy trực thuộc Công ty. Từ đó, đưa ra các giải pháp cải thiện tình hình môi trường ngày một tốt hơn.





CHƯƠNG

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	59
Tình hình tài chính	61
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	63
Kế hoạch phát triển trong tương lai	63
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	69

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2020

Thuận lợi:

- Theo phân tích của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, qua thời gian khó khăn do đại dịch Covid-19, có thể xác định rõ ràng sản phẩm chiến lược và thị trường chiến lược để làm bệ đỡ cho sự phát triển của ngành gỗ. Số liệu thống kê chín tháng đầu năm, xuất khẩu các sản phẩm tủ bếp, tủ nhà tắm, ván trang trí đã đạt gần một tỷ USD (tăng hơn 80% so cùng kỳ năm ngoái). Chuỗi cung ứng của mặt hàng này thậm chí vẫn không bị đứt gãy ở thời điểm đại dịch. Theo tổ chức ITC, quy mô giá trị thương mại của mặt hàng này đạt gần bảy tỷ USD. Mỹ là thị trường chiếm đến 90% lượng nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Đây chính là thị trường chiến lược mà nhiều doanh nghiệp ngành gỗ nước ta đang hướng tới.
- Công ty có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra và được các kỳ Đại hội đồng cổ đông thông qua là cơ sở vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự ổn định về chất lượng sản phẩm giúp đối tác tin tưởng và hợp tác lâu dài với Công ty.
- Đội ngũ nhân viên nhiệt huyết, đồng lòng đồng sức đưa Công ty phát triển lớn mạnh.

Khó khăn:

- Bước sang năm 2021, kinh tế thế giới gặp rất nhiều biến động, từ đầu năm đến nay dịch Covid - 19 tác động cả cung và cầu của sản phẩm Công ty, ảnh hưởng chuỗi giá trị hàng hóa trên cả thế giới và diễn biến rất khó lường.
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề kinh doanh;
- Tác động của các cuộc chiến tranh thương mại tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của SAVIMEX khiến số lượng các đơn hàng rất khó dự đoán trong thời gian tới.

Tình hình tài sản

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	321	358	11,42%	62,23%	64,62%
Tài sản dài hạn	194	196	1,01%	37,67%	35,38%
Tổng tài sản	515	554	7,50%	100%	100%

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	238	243	2,14%	97,94%	97,59%
Nợ dài hạn	6	6	5,71%	2,06%	2,41%
Tổng nợ phải trả	243	249	2,22%	100%	100%

CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty đạt 554 tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2019; cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn có sự dịch chuyển nhẹ chiếm tỷ trọng lần lượt là 64,62% và 35,38%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 11,42% so với năm 2019, nguyên nhân, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng 88,50% so với năm 2019, do Công ty đang áp dụng các chính sách bán hàng trả tiền sau để kích thích bán hàng, tạo ưu thế cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Khoản mục tài sản dài hạn đạt 196 tỷ đồng tăng 1,01% so với năm 2019; chủ yếu do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tăng 3,33% so với năm 2019, vì các dự án, các công trình đang thi công, tốn nhiều thời gian thực hiện, do đó không thể hoàn thành trong một chu kỳ.

CƠ CẤU NỢ

Cơ cấu nợ phải trả tiếp tục được Công ty duy trì ở mức an toàn và ổn định qua trong các năm qua. Cụ thể, nợ ngắn hạn tăng 2,14% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do nhu cầu về vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh tăng cao. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh toán ở mức ổn định để phòng ngừa các rủi ro về tài chính nói chung và thanh toán nói riêng.

Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu nợ vay do Công ty chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn để tối ưu được chi phí lãi vay.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Củng cố sự gắn kết của nhân viên, gia tăng hiệu quả làm việc của nhân viên.
- Liên tục kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng cập nhật đào tạo chuyên môn, nhằm tạo dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi tay nghề, năng động, nhiệt huyết để cùng đồng hành với sự phát triển của Công ty.

Về công tác môi trường:

- Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ mới nhằm hạn chế chất thải có hại trong quá trình sản xuất. Xây dựng và duy trì nhà máy sản xuất xanh, sạch, đẹp.
- Chấp hành pháp luật môi trường, kịp thời có biện pháp xử lý nhằm bảo đảm môi trường sản xuất.

Về công tác tài chính:

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản; đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính;
- Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quản lý tốt nợ phải thu, phải trả;
- Nguồn vốn được sử dụng hiệu quả;
- Nộp đầy đủ các khoản thuế cho Nhà nước.



Triển vọng ngành:

Theo ông Hà Công Tuấn, thứ trưởng thường trực bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngành gỗ cần tiếp tục duy trì tăng trưởng tại thị trường Mỹ, phần đầu giá trị xuất khẩu năm 2021 đạt trên 6 tỉ USD ở riêng thị trường này đến năm 2025 sẽ đạt khoảng 8 tỉ USD, tăng 40% so với 2019. Trong khi đó, đối với các thị trường Nhật Bản, EU, Hàn Quốc và Trung Quốc, tiếp tục mục tiêu tăng trưởng từ 10-12% trong năm 2021 và duy trì mức tăng trưởng bình quân 15%-20% trong giai đoạn 2021-2025.

Để đảm bảo mục tiêu xuất khẩu vào các thị trường lớn này, ông Cao Quốc Hưng, thứ trưởng bộ Công thương cho biết, bộ sẽ tiếp tục phổ biến lợi ích mà các Hiệp định thương mại tự do để hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác tối ưu thị trường.

Đồng thời Bộ Công thương cũng sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại để khai thác các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng như các thị trường mới nổi, tiềm năng.

Đồng thời, kiến nghị Bộ Tài chính, các địa phương bố trí kinh phí cho các chương trình đào tạo nguồn nhân lực của ngành công nghiệp gỗ, xúc tiến thương mại, xây dựng quảng bá thương hiệu ngành gỗ, để tạo ra nguồn lực và nền tảng vững vàng cho ngành gỗ trong năm 2021.

Đối với SAVIMEX, đây được xem là một cơ hội tốt để mở rộng thị trường xuất khẩu, hứa hẹn nhiều thuận lợi mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Kế hoạch phát triển năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	980
2	Lợi nhuận trước thuế	48





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

a. Đối với hoạt động quản trị điều hành:

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát ở Công ty trên tinh thần tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí thông qua các biện pháp sau:

- ✔ Hoàn thiện bộ máy hoạt động từ Ban điều hành đến các xưởng sản xuất.
- ✔ Hoàn thiện mô hình vận hành của bộ phận bán lẻ với thương hiệu nhận diện là MOHO.
- ✔ Áp dụng các định mức, chỉ tiêu, chính sách, cơ chế lương, thưởng hợp lý và linh hoạt.
- ✔ Củng cố, khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin hiện có tại công ty.

b. Đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực

- ✔ Sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp.
- ✔ Đảm bảo ổn định tinh thần làm việc của người lao động trong thời kỳ dịch bệnh hiện nay.

c. Đối với hoạt động kinh doanh

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua các giải pháp:

- ✔ Sắp xếp lại chiến lược kinh doanh, tập trung vào các sản phẩm tạo ra biên lợi nhuận tốt và ổn định.
- ✔ Theo dõi chặt chẽ, bám sát những biến động của thị trường để kịp thời điều chỉnh cách thức ứng phó.
- ✔ Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu bên cạnh tiết giảm chi phí phục vụ sản xuất.

e. Đối với hoạt động truyền thông, marketing

- ✔ Quảng bá thương hiệu MOHO một cách hợp lý, đa dạng, sáng tạo nhằm phát huy hình ảnh và uy tín của Công ty.
- ✔ Thực hiện các hoạt động từ thiện, tài trợ, đặt biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế- xã hội nhiều bất ổn từ dịch bệnh, thiên tai, bão lụt.

d. Đối với hoạt động sản xuất, cung ứng

- ✔ Tối ưu hóa năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- ✔ Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng để tăng hiệu quả sản xuất của Nhà máy.
- ✔ Nghiên cứu cải tiến, sáng kiến kỹ thuật, công nghệ, quy trình vận hành với các dây chuyền, máy móc thiết bị.
- ✔ Tiết kiệm chi phí trong hoạt động cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa thành phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

Hiện tại, Công ty có 2 nhà máy sản xuất gỗ nội thất đang hoạt động với công suất gần như tối đa từ 160-170 containers/tháng. Vì vậy, để đáp ứng lượng đơn hàng tăng cao ở thị trường EU, Công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới ở khu vực Hóc Môn, giá trị khoảng đầu tư ước tính gần 60 tỷ đồng bằng nguồn vốn tự có của công ty.

Mục tiêu chủ yếu trong năm 2021:

- Tiếp tục duy trì việc khai thác và sử dụng có hiệu quả tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, 741 Hậu Giang, Khu Thương mại Ngọc Lan.
- Quản lý và kiểm soát tốt các chi phí phát sinh.
- Dự án Đào Trí: Đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án thu tiền 90% giá trị hợp đồng và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng dự án để thu tiền 10% còn lại.
- Các dự án khác: tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý thiết kế, thi công và cấp giấy chứng nhận cho các khách hàng tại các dự án khu dân cư Phú Thuận, Bình Trị Đông, Tân Thới Hiệp.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Lợi nhuận chưa phân phối 2020 :

74,185,858,055 đồng

Lợi nhuận kế hoạch trước thuế 2021 :

48,000,000,000 đồng

Lợi nhuận chưa phân phối 2021 dự kiến:

122,185,858,055 đồng

Vì vậy HĐQT trình kế hoạch chi trả cổ tức và trích lập các quỹ trong năm 2021 như sau:

- + Chia cổ tức trên mệnh giá: 5% tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu (hình thức là phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu)
- + Quỹ khen thưởng: 10%
- + Quỹ phúc lợi: 10%
- + Quỹ đầu tư phát triển: 10%
- + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5%

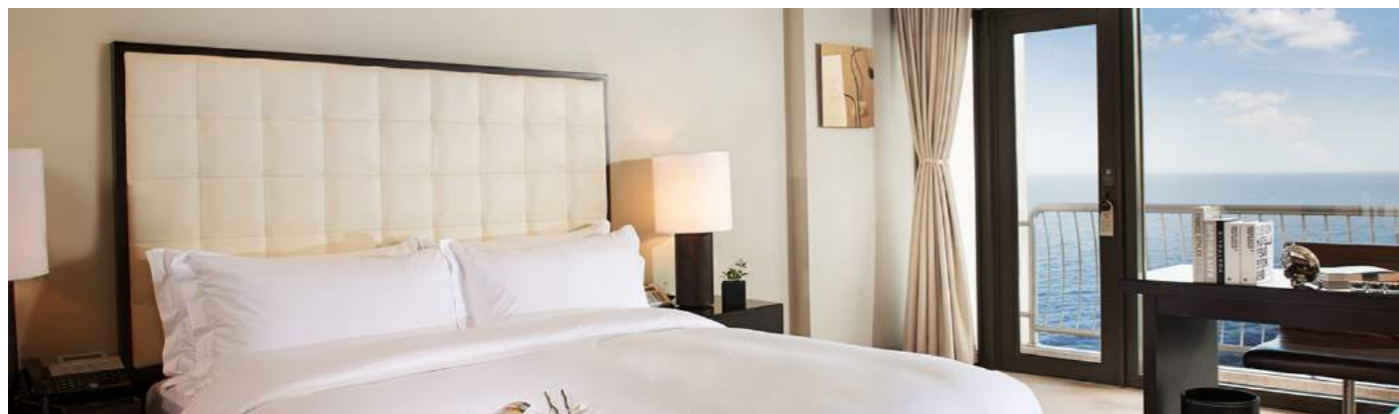




BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh, cũng như để đáp ứng các yêu cầu trong Giấy phép khai thác nước ngầm, Công ty đã thực hiện việc tái sử dụng nước nhiều lần tại các công đoạn sơn sản phẩm bằng buồng sơn màng nước và đồng thời kiểm tra, bổ sung nước định kỳ cho các buồng sơn. Ước tính tỷ lệ tái sử dụng nước lên đến 80%.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện công tác tuyên truyền ý thức tiết kiệm nước cho công nhân các xưởng, xí nghiệp và đơn vị trực thuộc như: sử dụng lượng nước vừa đủ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; khoá nước cẩn thận sau khi sử dụng; thông báo đến bộ phận chuyên trách nếu phát hiện hư hỏng thiết bị nước để khắc phục kịp thời hạn chế thất thoát tài nguyên nước;

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt về môi trường với số tiền 152.103.284 đồng (căn cứ Quyết định xử phạt số 3216/QĐ-XPVPHC ngày 05/09/2020) và tiến hành khắc phục các thiếu sót. Theo đó, Công ty đã kiểm tra và cải tạo Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 60m3/ngày đêm theo Thông báo số 124/CCBVM-T-KSON ngày 20/02/2020 của Chi cục Bảo vệ Môi trường Tp. HCM. Kết quả các lần phân tích chất lượng nước vào ngày 28/04/2020 và ngày 19/05/2020 đều cho kết quả nằm trong giới hạn cho phép.



Các biện pháp để Công ty hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp sản xuất thân thiện với môi trường:

- Bổ sung nhân sự phụ trách về môi trường có trình độ chuyên môn. Tất cả cán bộ công nhân viên được phổ biến về cách phân loại rác, các quy định về tiết kiệm điện, nước, ... trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường.
- Tất cả các nhà máy của Công ty đều thực hiện Đánh giá tác động môi trường/ Đề án bảo vệ môi trường.
- Phụ trách ISO của Nhà máy luôn cập nhật các văn bản pháp luật về môi trường để phổ biến cho các đơn vị liên quan.
- Tăng diện tích cây xanh trong khuôn viên Công ty.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn quan tâm đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động bằng việc thực hiện các quy định của Bộ luật lao động.

- Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm do Công ty thuê các cơ sở y tế thực hiện.

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ nghỉ lễ, phép, BHXH, ăn ca theo quy định. Hàng năm Công ty có chế độ nghỉ mát cho CBCNV.

- Công ty thực hiện đào tạo bổ sung tại chỗ bằng hình thức phân công thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp, thực hiện luân chuyển cán bộ, kỹ sư giữa hiện trường và văn phòng và ngược lại.

- Công ty tạo điều kiện và hỗ trợ cho các cá nhân có nhu cầu tự học để nâng cao trình độ phù hợp với nhu cầu hiện tại cũng như tương lai của Công ty.

- Phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể trong Công ty: Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến, thi đua tiết kiệm trong sản xuất v.v. ở các đơn vị, phòng ban; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để động viên người lao động nhiệt tình công tác, hiểu và gắn bó với tập thể, với Công ty.



- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty đã bố trí bộ phận chuyên trách thường xuyên kiểm tra hằng ngày về tình hình phát sinh khí thải, nước thải và chất thải rắn để có biện pháp xử lý kịp thời tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh.

- Thường xuyên tiếp xúc với người dân xung quanh để lắng nghe các ý kiến phản hồi về tình hình môi trường trong quá trình hoạt động của các Nhà máy trực thuộc Công ty. Từ đó, đưa ra các giải pháp cải thiện tình hình môi trường ngày một tốt hơn.

- Ủng hộ tài chính trong các hoạt động:
- CB- CNV trích 1/2 ngày lương ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung;
- Tài trợ cho các mái ấm ở Bến Tre, Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội;
- Quyên góp hỗ trợ tiền viện phí cho công nhân bị mắc bệnh hiểm nghèo;
- Tặng 10 phần quà Tết cho các gia đình neo đơn, khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán tại phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.



CHƯƠNG

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 75

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty 77

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị 78

▶ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện:

ĐVT: Tỷ đồng

Diễn giải	Kế hoạch năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	% tăng giảm TH 2020/KH 2020
Công ty mẹ					
- Doanh thu thuần	915	871	943	8,35%	7,54%
- Lợi nhuận trước thuế	30	36	58	58,76%	93,33%

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 943 tỷ đồng, tăng tương ứng 8,35% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt 58 tỷ đồng, tương ứng tăng 58,76% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế năm 2020 vượt kế hoạch đề ra lần lượt là 7,54%, 93,33%. Để có những con số này, tập thể CBNV SAVIMEX luôn tìm ra các biện pháp tiết giảm chi phí sản xuất, quản lý để đảm bảo việc tăng trưởng doanh thu luôn đi kèm với tăng trưởng lợi nhuận.

Bên cạnh đó, doanh thu trong năm 2020 tiếp tục duy trì mức tăng ổn định là nhờ có sự tăng trưởng ổn định ở cả thị trường xuất khẩu và nội địa.

Đồng thời, SAVIMEX đã đầu tư nhiều thiết bị hiện đại với hệ thống dây chuyền sản xuất tiên tiến, có thể sản xuất được những sản phẩm với nhiều chi tiết phức tạp.

Ngoài ra, việc đẩy mạnh cải tiến công nghệ đã đóng góp đáng kể vào chính sách tiết kiệm nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong năm của SAVIMEX và đây cũng là định hướng phát triển bền vững của Công ty.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Hoạt động giám sát

Trong năm 2020, hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trọng tâm vào những việc chính sau đây:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2019, xây dựng kế hoạch và theo dõi hoạt động năm 2020 so với kế hoạch đề ra.
- Tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đúng luật định vào ngày 22/05/2020 (hủy kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN vào ngày 08/04/2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19).
- Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc thực hiện qua các báo cáo hàng tháng. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu. Căn cứ quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị trực thuộc và của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Hội đồng quản trị luôn nhận thức rõ được cơ hội cũng như thách thức mà Công ty đang và sẽ gặp phải, từ đó đề ra các giải pháp linh hoạt trong mọi hoạt động của Công ty nhằm kiểm soát có hiệu quả tình hình hiện tại, thực thi các chiến lược phù hợp:

- Định hướng Công ty tập trung phát triển theo ngành nghề cốt lõi: Đồ gỗ và bao bì, đồng thời giải quyết triệt để các vấn đề còn lại liên quan đến bất động sản.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tìm kiếm các giải pháp, các chương trình tài trợ, các mô hình tiên tiến ... nhằm nâng cao hiệu quả định hướng và chỉ đạo và hỗ trợ của Hội đồng quản trị đối với hoạt động Công ty.

- Tăng cường việc quản lý, theo dõi hoạt động Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin của ban điều hành để có hỗ trợ kịp thời.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị nhằm đóng góp cho sự phát triển Công ty.

- Soát xét Quy chế quản trị nội bộ Công ty và nâng cao hiệu quả thực hiện quản trị công ty theo quy định pháp luật hiện hành.



CHƯƠNG

05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị	81
Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	82
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.	85

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành Viên HĐQT	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT	Đại diện vốn cho Eland Asia Holdings: 6.005.657 cổ phiếu	41,14%
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc		
3	Kim Soung Gyu	Quản trị viên		
4	Trần Như Tùng	Quản trị viên		
5	Mai Thị Huyền Thanh	Quản trị viên		
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Quản trị viên		
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Quản trị viên		
8	Ngô Thị Yến Trang	Quản trị viên		

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT	06/12	50%
2	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	12/12	100%
3	Kim Soung Gyu	Quản trị viên	12/12	100%
4	Trần Như Tùng	Quản trị viên	12/12	100%
5	Mai Thị Huyền Thanh	Quản trị viên	12/12	100%
6	Huỳnh Thị Thu Sa	Quản trị viên	12/12	100%
7	Nguyễn Thị Thu Yến	Quản trị viên	12/12	100%
8	Ngô Thị Yến Trang	Quản trị viên	12/12	100%





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
Các Nghị quyết			
1	01/2020/NQ-HĐQT	03/02/2020	Chốt ngày đăng ký quyết cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ
2	2.1/2020/NQ-HĐQT	13/03/2020	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng Nam Á
3	2.2/2020/NQ-HĐQT	13/03/2020	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
4	03/2020/NQ-HĐQT	25/03/2020	Thông qua việc từ nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT
5	04/2020/NQ-HĐQT	23/04/2020	Thông qua ngày tổ chức ĐHCĐ
6	05/2020/NQ-HĐQT	06/05/2020	Điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2020 (doanh thu và lợi nhuận)
7	06/2020/NQ-HĐQT	25/05/2020	Thông qua việc triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức
8	07/2020/NQ-HĐQT	04/06/2020	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức
9	08/2020/NQ-HĐQT	19/08/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT
10	09/2020/NQ-HĐQT	10/12/2020	Chuyển nhượng dự sản Đào Trí
11	10/2020/NQ-HĐQT	10/12/2020	Vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Các Quyết định			
01	01/2020/QĐ-HĐQT	25/05/2020	Thông qua việc triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức
02	02/2020/QĐ-HĐQT	04/06/2020	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức
03	03/2020/QĐ-HĐQT	24/07/2020	Tăng vốn điều lệ của công ty

Đào tạo về quản trị

Công ty Các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về Công bố thông tin theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN 2016:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT

Tham gia các khóa học về kiểm toán nội bộ do Viện thành viên HĐQT (VIOD) tổ chức bao gồm:

- Bà Huỳnh Thị Thu Sa - Thành viên HĐQT.

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trọng tâm vào việc chính sau đây:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2019, xây dựng kế hoạch và theo dõi hoạt động năm 2020 so với kế hoạch đề ra.

- Tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đúng luật định vào ngày 22/05/2020 (hủy kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN vào ngày 08/04/2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19)

- Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua các báo cáo hàng tháng.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức Vụ	Thù lao
1	Kim Jung Heon		74.844.000
2	Lee Eun Hong	Chủ tịch HĐQT	199.584.000
3	Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	249.480.000
4	Kim Soung Gyu	Thành viên HĐQT	249.480.000
5	Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên HĐQT	249.480.000
6	Trần Như Tùng	Thành viên HĐQT	249.480.000
7	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên HĐQT	249.480.000
8	Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên HĐQT độc lập	108.000.000
9	Ngô Thị Yến Trang	Thành viên HĐQT độc lập	84.000.000
TỔNG CỘNG			1.713.828.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lee Eun Hong	Đại diện vốn cho Eland Asia Holdings	5.719.674	41,08%	6.005.657	41,14%	Nhận cổ phiếu thưởng
2	Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	Người liên quan của người nội bộ	2.847.047	20,45%	2.989.399	20,48%	Nhận cổ phiếu thưởng



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Cổ đông góp vốn
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Trung tâm Y Khoa Thành Công	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
E Service Co., LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Retail Limited	Công ty cùng tập đoàn
Eland World LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Construction Limited	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Suwaco Corporation	Công ty cùng tập đoàn
E. Nest Co., LTD	Công ty cùng tập đoàn





CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 93

Báo cáo tài chính được kiểm toán 99

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 19, ngày 06/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 145.998.550.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 145.998.550.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh và chế biến gỗ, kinh doanh xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh chế biến gỗ, sản xuất bao bì, trang trí nội thất, xây dựng và kinh doanh địa ốc.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**Hội đồng Quản trị:**

Ông Lee Eun Hong	Chủ tịch
Ông Lim Hong Jin	Phó Chủ tịch
Ông Kim Soung Gyu	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên
Bà Mai Thị Huyền Thanh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Yến	Thành viên
Bà Ngô Thị Yến Trang	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Lim Hong Jin	Tổng Giám đốc
Ông Song Jun Hong	Giám đốc sản xuất

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Đại diện theo pháp luật:**

Ông Lim Hong Jin

Kế toán trưởng:

Bà Mai Thị Huyền Thanh

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Duyệt, ngày 18. tháng 02. năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Lee Eun Hong

Duyệt, ngày 18. tháng 02. năm 2021

FM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc


Lim Hong Jin

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 18. tháng 02. năm 2021

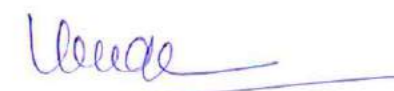
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)


Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên



Dương Nguyên Thúy Mai

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0848-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.978.950.821	321.287.981.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.195.603.698	67.014.308.420
1. Tiền	111		21.079.239.314	17.786.046.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.116.364.384	49.228.261.644
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.124.454.794	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	16.124.454.794	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.071.313.164	68.472.027.719
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133.764.425.425	73.545.987.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.678.802.458	5.153.871.180
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.191.515.896	6.547.867.845
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(14.563.430.615)	(16.775.699.093)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	83.059.032.007	109.430.197.851
1. Hàng tồn kho	141		83.059.032.007	125.593.137.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(16.162.939.608)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.528.547.158	66.371.447.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	3.477.357.395	1.306.267.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		72.357.560.513	64.371.550.471
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.15	693.629.250	693.629.250
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		195.806.668.933	193.855.976.716
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		453.133.339	544.800.002
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	58.333.339	150.000.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	394.800.000	394.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.092.301.146	66.637.941.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	60.105.280.477	62.568.313.710
- Nguyên giá	222		190.003.633.761	200.705.793.283
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(129.898.353.284)	(138.137.479.573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.987.020.669	4.069.627.805
- Nguyên giá	228		7.024.133.449	7.024.133.449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.037.112.780)	(2.954.505.644)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	14.109.661.394	14.751.055.298
- Nguyên giá	231		20.153.227.987	20.153.227.987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.043.566.593)	(5.402.172.689)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	101.263.552.300	98.003.261.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		89.242.323.983	86.088.980.463
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.021.228.317	11.914.281.425
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.120.448.561	11.094.597.127
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.120.448.561	13.120.448.561
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(2.025.851.434)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.767.572.193	2.824.320.886
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.767.572.193	2.824.320.886
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		553.785.619.754	515.143.958.053

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		249.118.326.222	243.706.930.508
I. Nợ ngắn hạn	310		243.233.950.566	238.140.603.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	75.438.486.160	84.678.329.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.780.864.541	20.159.582.662
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	18.590.443.623	19.669.089.246
4. Phải trả người lao động	314		40.228.128.645	29.902.258.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.171.607.705	8.066.915.080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	114.725.456	113.645.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.709.652.914	2.619.600.198
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	60.302.991.260	60.306.453.590
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	7.235.527.122
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9.897.050.262	5.389.202.087
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.884.375.656	5.566.326.722
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	3.213.383.825	3.213.383.825
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	2.670.991.831	2.352.942.897
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.667.293.532	271.437.027.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	304.667.293.532	271.437.027.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.998.550.000	139.237.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.998.550.000	139.237.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.303.578.566	55.064.398.566
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ(*)	415		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.881.607.088	13.881.607.088
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.175.082.000	906.580.510
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.185.858.055	42.224.093.558
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.411.984.008	16.854.063.760
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.773.874.047	25.370.029.798
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		27.437.898.919	27.437.898.919
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		553.785.619.754	515.143.958.053

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huỳnh Nga

Mai Thị Huyền Thanh

Lim Hong Jin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	944.573.015.578	871.154.047.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.340.495.755	637.710.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		943.232.519.823	870.516.336.821
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	802.250.533.974	743.662.174.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		140.981.985.849	126.854.162.196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.983.141.458	4.450.572.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.180.773.464	3.866.737.464
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.271.636.456	2.592.232.663
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.1	37.314.308.987	22.644.521.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.2	34.559.936.986	62.111.520.925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		74.910.107.870	42.681.954.860
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.274.777.018	905.833.648
12. Chi phí khác	32	VI.7	19.433.500.967	7.210.695.892
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(17.158.723.949)	(6.304.862.244)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		57.751.383.921	36.377.092.616
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	9.977.509.874	11.007.062.818
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		47.773.874.047	25.370.029.798
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.12	3.461	1.614
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.13	3.461	1.614

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huỳnh Nga

Mai Thị Huyền Thanh

Lim Hong Jin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.751.383.921	36.377.092.616
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.241.990.722	13.062.502.921
- Các khoản dự phòng	03		(27.636.586.642)	(13.808.426.195)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		342.443.607	205.300.904
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.814.772.028	(2.003.117.687)
- Chi phí lãi vay	06		1.294.741.952	2.592.232.663
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.808.745.588	36.425.585.222
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(66.481.448.407)	45.370.167.515
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		39.380.761.932	12.556.928.369
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.698.394.057	11.176.650.611
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.114.341.076)	1.305.695.024
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.294.741.952)	(2.611.848.320)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(12.579.534.335)	(2.563.430.591)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(566.157.785)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.851.678.022	101.659.747.830
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.694.107.188)	(11.132.535.021)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.690.846.800	590.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(38.149.123.328)	(14.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		32.116.335.197	24.549.999.998
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.041.490.014	1.928.704.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.994.558.505)	1.237.079.047

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		439.172.631.818	406.443.999.631
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(439.394.249.622)	(448.216.083.191)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.453.455.900)	(6.426.605.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.675.073.704)	(48.198.689.335)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(13.817.954.187)	54.698.137.542
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	67.014.308.420	12.316.791.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(750.535)	(620.184)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	53.195.603.698	67.014.308.420

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Huỳnh Nga

Mai Thị Huyền Thanh



Lập ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Lim Hong Jin

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 19, ngày 06/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 145.998.550.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 145.998.550.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh và chế biến gỗ, kinh doanh xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh chế biến gỗ, sản xuất bao bì, trang trí nội thất, xây dựng và kinh doanh địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020***b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chênh lệch giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2020*

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020*

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bá giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách phá nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bản ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 1 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2020*

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 17 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Chương trình phần mềm	07 năm
- TSCĐ hữu hình khác	07 - 10 năm
- Bất động sản đầu tư	31 - 33 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020*

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020***11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2020

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn trong hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính**a. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	174.944.926	283.309.165
Tiền mặt VND	149.088.456	253.796.771
Tiền mặt USD	25.856.470	29.512.394
Tiền gửi ngân hàng	20.904.294.388	17.502.737.611
Tiền gửi VND	20.152.080.777	1.127.892.568
Tiền gửi ngoại tệ	752.213.611	16.374.845.043
Các khoản tương đương tiền	32.116.364.384	49.228.261.644
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng (1 tháng)	32.116.364.384	49.228.261.644
Tổng cộng	53.195.603.698	67.014.308.420

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	16.124.454.794	16.124.454.794	10.000.000.000	10.000.000.000

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Số cuối kỳ
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8842/2020	25/09/2020	25/03/2021	7,60%	5.000.000.000
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8774/2020	17/09/2020	17/03/2021	7,60%	2.000.000.000
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8931-CN1	08/10/2020	08/04/2021	7,60%	3.044.605.479
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8934-CN1	09/10/2020	09/04/2021	7,60%	3.044.054.795
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8998-CN1	22/10/2020	22/04/2021	7,60%	1.011.931.507
Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPBFC/CCTG- 8999-CN1	22/10/2020	22/04/2021	7,60%	2.023.863.013

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	13.120.448.561	-	13.120.448.561	13.120.448.561	(2.025.851.434)	11.094.597.127

Ghi chú: Đây là khoản đầu tư ra nước ngoài vì vậy Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư này theo thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>		
Công ty TNHH Japan New Furniture Việt Nam	2.544.331.655	3.149.928.663
Công ty CP Dệt May ĐT-TM Thành Công	450.226.634	388.088.649
Atlas International Inc.	8.124.817.206	3.582.279.713
MZM Contract and Home Furnishing PTE Ltd	21.501.879.776	30.030.672.433
Công ty CP ĐTXD & May Thêu Tân Tiến	7.997.581.736	7.997.581.736
Công ty TNHH Scancom Việt Nam	1.970.838.884	2.946.924.550
Zinus INC.	71.049.115.301	9.291.595.738
Các đối tượng khác	20.125.634.233	16.158.916.305
Tổng cộng	133.764.425.425	73.545.987.787



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
- Nguyễn Văn Toàn	58.333.339	150.000.002
Cộng	58.333.339	150.000.002

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn	6.191.515.896	5.289.136.115	6.547.867.845	5.581.152.637
- Ký cược, ký quỹ	125.017.761	-	114.807.377	-
- Tạm ứng	50.383.860	-	64.811.992	-
Nguyễn Thị Bé	5.377.000	-	10.377.000	-
Võ Thị Xuân	-	-	10.000.000	-
Lê Thị Vân Anh	11.172.548	-	-	-
Nguyễn Ngọc	6.411.530	-	-	-
Nguyễn Xuân Tấn	5.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	22.422.782	-	44.434.992	-
- Phải thu khác	6.016.114.275	5.289.136.115	6.368.248.476	5.581.152.637
+ Cty CP. ĐT XD và May thêu Tân Tiến	5.111.236.390	5.111.236.390	5.111.236.390	5.111.236.390
+ Cty CP Điện lực Sài Gòn ViNa	177.899.725	177.899.725	177.899.725	177.899.725
+ Các đối tượng khác	726.978.160	-	1.079.112.361	292.016.522
5.2. Dài hạn	394.800.000	-	394.800.000	-
- Tiền đặt cọc thuê nhà trọ cho công nhân	394.800.000	-	394.800.000	-
Cộng	6.586.315.896	5.289.136.115	6.942.667.845	5.581.152.637

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	14.563.430.615	14.563.430.615	16.775.699.093	13.935.961.441
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Công ty CP Đầu Tư XD & May Thêu Tân Tiến	13.108.818.126	13.108.818.126	13.108.818.126	13.108.818.126
+ Công ty TNHH Xây Dựng Võ Đình	509.532.131	509.532.131	509.532.131	509.532.131
+ Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	317.611.184	317.611.184	317.611.184	317.611.184
+ Các đối tượng khác	627.469.174	627.469.174	2.839.737.652	-
Cộng	14.563.430.615	14.563.430.615	16.775.699.093	13.935.961.441

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	54.073.871.429	-	62.899.779.940	4.321.455.646
- Công cụ, dụng cụ	73.663.012	-	92.873.768	27.348.890
- Chi phí SXKD dở dang	15.474.182.332	-	24.333.697.361	759.828.726
- Thành phẩm	13.388.480.066	-	36.753.398.277	9.698.371.073
- Hàng hóa	48.835.168	-	1.513.388.113	1.355.935.273
Cộng	83.059.032.007	-	125.593.137.459	16.162.939.608

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	89.242.323.983	89.242.323.983	86.088.980.463	86.088.980.463
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Cao Ốc Nguyễn phúc Nguyên - Quận 3	36.666.716	36.666.716	36.666.716	36.666.716
+ KDC Phú Thuận - Quận 7	514.394.989	514.394.989	494.003.013	494.003.013
+ Chung cư Ngọc Lan - Quận 7	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024	9.511.736.024
+ Dự án Đào Trí - Quận 7	69.542.658.488	69.542.658.488	69.513.408.488	69.513.408.488
+ KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12	1.428.132	1.428.132	1.428.132	1.428.132
+ KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh	9.451.331.579	9.451.331.579	6.347.630.035	6.347.630.035
+ Công trình Trường Cán Bộ- TP.HCM	184.108.055	184.108.055	184.108.055	184.108.055
- Xây dựng cơ bản dở dang	12.021.228.317	12.021.228.317	11.914.281.425	11.914.281.425
<i>Chi tiết số dư như sau:</i>				
+ Mua sắm	-	-	27.732.000	27.732.000
+ Xây dựng cơ bản	12.021.228.317	12.021.228.317	11.886.549.425	11.886.549.425
+ Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	101.263.552.300	101.263.552.300	98.003.261.888	98.003.261.888

(* Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của Công ty là các dự án, các công trình đang thi công,... nên tồn rất nhiều thời gian thực hiện, do đó không thể hoàn thành trong 1 chu kỳ, sản xuất kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	57.447.765.342	131.841.644.267	8.072.093.238	1.722.306.088	1.621.984.348	200.705.793.283
Số tăng trong năm	3.201.251.400	10.224.106.450	2.900.330.264	261.472.182	-	16.587.160.296
- Mua trong kỳ	3.201.251.400	10.224.106.450	2.900.330.264	261.472.182	-	16.587.160.296
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	806.208.505	24.222.315.478	2.260.795.835	-	-	27.289.319.818
- Thanh lý, nhượng bán	806.208.505	24.222.315.478	2.260.795.835	-	-	27.289.319.818
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	59.842.808.237	117.843.435.239	8.711.627.667	1.983.778.270	1.621.984.348	190.003.633.761
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.424.548.268	80.412.965.539	6.828.830.855	1.620.320.130	850.814.781	138.137.479.573
Số tăng trong năm	1.385.364.013	10.581.384.781	416.123.158	38.203.258	96.914.472	12.517.989.682
- Khấu hao trong năm	1.385.364.013	10.581.384.781	416.123.158	38.203.258	96.914.472	12.517.989.682
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	454.975.998	18.353.359.023	1.948.780.950	-	-	20.757.115.971
- Thanh lý, nhượng bán	454.975.998	18.353.359.023	1.948.780.950	-	-	20.757.115.971
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	49.354.936.283	72.640.991.297	5.296.173.063	1.658.523.388	947.729.253	129.898.353.284
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.023.217.074	51.428.678.728	1.243.262.383	101.985.958	771.169.567	62.568.313.710
Tại ngày cuối năm	10.487.871.954	45.202.443.942	3.415.454.604	325.254.882	674.255.095	60.105.280.477

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 26.862.601.467 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 79.085.169.864 đồng

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX
194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	89.250.000	7.024.133.449
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp vốn	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.020.325.500	-	-	2.914.557.949	89.250.000	7.024.133.449
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	223.322.729	-	-	2.726.224.582	4.958.333	2.954.505.644
Số tăng trong năm	-	-	-	52.857.132	29.750.004	82.607.136
- Khấu hao trong năm	-	-	-	52.857.132	29.750.004	82.607.136
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	223.322.729	-	-	2.779.081.714	34.708.337	3.037.112.780
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.797.002.771	-	-	188.333.367	84.291.667	4.069.627.805
Tại ngày cuối năm	3.797.002.771	-	-	135.476.235	54.541.663	3.987.020.669

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.544.557.949 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ
Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	20.153.227.987	-	-	20.153.227.987
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	5.402.172.689	641.393.904	-	6.043.566.593
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	5.402.172.689	641.393.904	-	6.043.566.593
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	14.751.055.298	(641.393.904)	-	14.109.661.394
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	14.751.055.298	(641.393.904)	-	14.109.661.394
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND
12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC
12.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- CCDC xuất dùng	574.435.446	468.349.578
- Chi phí bảo trì, sửa chữa, xây lắp, cải tạo, phục hồi	2.266.699.957	90.341.669
- Chi phí đồng phục	-	337.120.008
- Chi phí tuyển dụng	-	184.323.000
- Chi phí quảng cáo	192.416.667	-
- Chi phí phần mềm	81.699.747	-
- Chi phí khác	362.105.578	226.133.371
Cộng	3.477.357.395	1.306.267.626

12.2. Dài hạn

- CCDC xuất dùng	1.563.789.891	881.448.718
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt, cải tạo, thi công	964.572.838	1.604.236.073
- Chi phí phần mềm	157.688.879	227.691.662
- Chi phí khác	81.520.585	110.944.433
Cộng	2.767.572.193	2.824.320.886



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

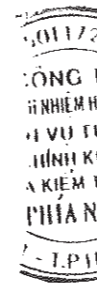
	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng	60.302.991.260	60.302.991.260	439.169.169.488	439.172.631.818	60.306.453.590	32.578.030.528
+ Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	60.302.991.260	60.302.991.260	128.962.852.073	101.237.891.341	32.578.030.528	32.578.030.528
+ Ngân hàng BIDV, chi nhánh Học Môn	-	-	310.206.317.415	337.934.740.477	27.728.423.062	27.728.423.062
Tổng cộng	60.302.991.260	60.302.991.260	439.169.169.488	439.172.631.818	60.306.453.590	60.306.453.590

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Vietcombank - TP.HCM là của hợp đồng tin dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm
0005/2028/N-CTD	11/03/2020	12 tháng	180.000.000.000	theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	60.302.991.260
Cộng					60.302.991.260

Hình thức đảm bảo khoản vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q553359 do UBND Tp HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0126/1828/TCĐNI ngày 29/10/2018.

35



CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

Báo cáo tài chính

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
+ Cty CP Đầu Tư XD & May Thêu Tân Tiến	14.193.859.700	14.193.859.700	14.193.859.700	14.193.859.700
+ Cty CP Giấy Linh Xuân	2.323.107.380	2.323.107.380	1.975.119.300	1.975.119.300
+ Maszma Marketing Sdn.Bhd	787.905.492	787.905.492	788.414.585	788.414.585
+ Japan New Furniture Co.,Ltd	120.203.091	120.203.091	315.263.390	315.263.390
+ MZM Contract And Home Furnishing Pte., Ltd	5.860.920.884	5.860.920.884	9.773.530.024	9.773.530.024
+ Công ty TNHH PNA Việt Nam	-	-	488.700.520	488.700.520
+ Công ty TNHH Techno Coatings Industry	8.412.855.550	8.412.855.550	8.617.794.900	8.617.794.900
+ Các đối tượng khác	43.739.634.063	43.739.634.063	48.525.647.580	48.525.647.580
Cộng	75.438.486.160	75.438.486.160	84.678.329.999	84.678.329.999

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
15.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	6.187.816.968	6.187.816.968	-
+ Thực nộp bằng tiền	-	-	-	-
+ Được khấu trừ	-	6.187.816.968	6.187.816.968	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	534.466.166	534.466.166	-
Thuế nhập khẩu	-	59.759.975	59.759.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.007.062.818	9.977.509.874	12.579.534.335	8.405.038.357
Thuế thu nhập cá nhân	796.585.485	5.216.981.664	5.604.878.846	408.688.303
Thuế tài nguyên	3.083.360	35.484.480	36.844.000	1.723.840
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.862.357.583	21.595.025.049	19.704.100.412	9.753.282.220
Thuế khác	-	362.549.485	340.838.582	21.710.903
Cộng	19.669.089.246	43.969.593.661	45.048.239.284	18.590.443.623
15.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	693.629.250	-	-	693.629.250
Cộng	693.629.250	-	-	693.629.250

Ghi chú: (*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty thực hiện tạm nộp đối với những dự án bất động sản khác tỉnh. Hiện tại Công ty đang thực hiện đối chiếu với cơ quan thuế về số thuế tạm nộp này để làm cơ sở căn trừ với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	14.657.631	37.763.127
- Trích trước chi phí DA Bình Trị Đông	4.897.409.203	4.897.409.203
- Trích trước chi phí tiền thuê đất	657.642.309	505.136.760
- Chi phí hàng về nhưng chưa có hóa đơn	730.335.307	1.961.418.813
- Chi phí sửa chữa, khác	871.563.255	665.187.177
Cộng	7.171.607.705	8.066.915.080

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
17.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	149.080.151	149.080.151
- KPCĐ	489.708.380	434.727.900
- BHXH, BHYT, BHTN	112.388.533	84.490.586
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	286.397.509	270.251.309
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.662.078.341	1.671.050.252
+ Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	143.304.933	143.304.933
+ Phí bảo trì chung cư Ngọc Lan	130.409.196	130.409.196
+ Các đối tượng khác	1.388.364.212	1.397.336.123
Cộng	2.709.652.914	2.619.600.198
17.2. Dài hạn		
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	2.670.991.831	2.352.942.897
+ Cho thuê nhà 194 Nguyễn Công Trứ	2.051.331.831	1.831.282.897
+ Công ty IN DI CO thuê 741 Hậu Giang	255.000.000	255.000.000
+ Thu tiền ký quỹ bảo hành công trình	214.000.000	214.000.000
+ Thu tiền đặt cọc mua hàng	108.000.000	10.000.000
+ Cho thuê TTTM Ngọc Lan	42.660.000	42.660.000
Cộng	2.670.991.831	2.352.942.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
18.1. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước theo hợp đồng cho thuê kho	114.725.456	113.645.456
Cộng	114.725.456	113.645.456
18.2. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước theo HĐ bán căn hộ chung cư Ngọc Lan	3.213.383.825	3.213.383.825
Cộng	3.213.383.825	3.213.383.825
Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
Đối tượng	Hợp đồng	Số cuối năm
Lý Trường Chiến	04/SAV/TTXD/HĐ-NL	3.213.383.825
Ghi chú: khách hàng không đồng ý nhận căn hộ do chưa thống nhất về vị trí của căn hộ.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

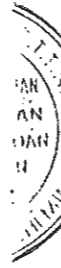
Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.798.860.000	61.503.268.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	-	27.437.898.919	27.829.024.312	256.135.377.789
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	25.370.029.798	25.370.029.798
- Tăng vốn trong năm trước	6.438.870.000	-	-	-	-	-	-	6.438.870.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	906.580.510	-	(6.442.058.000)	(6.442.058.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(4.532.902.552)	(3.626.322.042)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(3.626.322.042)	(3.626.322.042)
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	906.580.510	-	(906.580.510)	-
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thưởng	-	(6.438.870.000)	-	-	-	-	-	(6.438.870.000)
Số dư cuối năm trước	139.237.730.000	55.064.398.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	906.580.510	27.437.898.919	42.224.093.558	271.437.027.545
(Số dư đầu kỳ năm nay)								
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	47.773.874.047	47.773.874.047
- Tăng vốn trong năm nay	6.760.820.000	-	-	-	-	-	-	6.760.820.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9.469.602.100)	(9.469.602.100)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.268.501.490	-	(6.342.507.450)	(5.074.005.960)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(5.074.005.960)	(5.074.005.960)
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	1.268.501.490	-	(1.268.501.490)	-
- Dùng thặng dư vốn cổ phần phát hành cổ phiếu thưởng	-	(6.760.820.000)	-	-	-	-	-	(6.760.820.000)
Số dư cuối kỳ	145.998.550.000	48.303.578.566	(7.315.281.096)	13.881.607.088	2.175.082.000	27.437.898.919	74.185.858.055	304.667.293.532

39



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- E.Land Asia Holdings (Singapore)	60.056.570.000	57.196.740.000
- Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	29.893.990.000	28.470.470.000
- Các cổ đông khác	56.047.990.000	53.570.520.000
Cộng	145.998.550.000	139.237.730.000
(*) Thặng dư vốn cổ phần	48.303.578.566	55.064.398.566
(*) Cổ phiếu ngân quỹ (số lượng: 395.770 CP)	(7.315.281.096)	(7.315.281.096)

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.237.730.000	132.798.860.000
+ Vốn góp đầu năm	6.760.820.000	6.438.870.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	145.998.550.000	139.237.730.000
+ Vốn góp cuối năm	(9.469.602.100)	(6.442.058.000)
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

19.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.599.855	13.923.773
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.599.855	13.923.773
+ Cổ phiếu phổ thông	14.599.855	13.923.773
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	395.770	395.770
+ Cổ phiếu phổ thông	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.204.085	13.528.003
+ Cổ phiếu phổ thông	14.204.085	13.528.003
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	13.881.607.088	13.881.607.088
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.175.082.000	906.580.510

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	33.785,64	709.837,54
- USD		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán nội thất gỗ
- Doanh thu bán bao bì
- Doanh thu bán bất động sản
- Doanh thu cho thuê bất động sản
- Doanh thu khác

Năm nay	Năm trước
782.543.414	3.119.080.861
898.796.329.438	818.541.812.363
18.556.688.415	20.295.766.562
10.532.647.545	14.127.373.819
9.580.756.167	9.378.047.357
6.324.050.599	5.691.966.743
944.573.015.578	871.154.047.705

Cộng

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Năm nay	Năm trước
236.066.088	637.710.884
1.104.429.667	
1.340.495.755	637.710.884

Cộng

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn bán hàng hóa
- Giá vốn bán nội thất gỗ
- Giá vốn bán bao bì
- Giá vốn bán bất động sản
- Giá vốn cho thuê bất động sản
- Giá vốn khác

Năm nay	Năm trước
693.001.064	2.757.338.662
766.122.351.162	700.541.322.635
15.862.967.486	17.915.615.135
10.603.447.545	14.172.144.001
3.150.524.647	1.985.412.769
5.818.242.070	6.290.341.423
802.250.533.974	743.662.174.625

Cộng

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Năm nay	Năm trước
3.026.585.019	1.900.625.709
3.856.328.989	2.549.947.372
100.227.450	-
6.983.141.458	4.450.572.481

Cộng

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính
- + Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư

Năm nay	Năm trước
1.271.636.456	2.592.232.663
1.592.544.835	1.069.203.897
342.443.607	205.300.904
(2.025.851.434)	-
(2.025.851.434)	-
1.180.773.464	3.866.737.464

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu phạt vi phạm hợp đồng
- Thu lại tiền bán in bao bì
- Xử lý số dư công nợ lâu năm
- Phí sửa hàng lỗi
- Các khoản khác

Năm nay	Năm trước
-	102.492.578
907.218.399	235.362.527
-	445.290.503
825.003.366	-
212.976.082	-
329.579.171	122.688.040
2.274.777.018	905.833.648

Cộng

7. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phạt vi phạm hợp đồng, đền bù hàng lỗi
- Phạt vi phạm hành chính
- Chi phí thuế GTGT đầu vào bị loại khi hoàn thuế
- Chi phí thuế đất truy thu của những năm trước (*)
- Các khoản khác

Năm nay	Năm trước
4.841.357.047	
312.930.000	648.947.157
189.081.345	143.508.393
59.226.204	195.830.387
13.998.718.535	5.950.112.337
32.187.836	272.297.618
19.433.500.967	7.210.695.892

Cộng

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

8.1. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao
- Dự phòng bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Năm nay	Năm trước
6.242.731.704	3.171.457.383
103.859.749	21.987.060
155.812.864	53.877.968
(349.579.872)	68.328.763
29.948.684.194	18.279.454.217
1.212.800.348	1.049.416.037
37.314.308.987	22.644.521.428

Cộng

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

32.586.056.437	34.146.402.437
888.808.504	853.156.435
286.177.867	524.786.751
413.873.949	59.727.464
(8.390.701.952)	17.606.892.440
7.034.680.913	5.982.298.095
1.741.041.268	2.938.257.303
34.559.936.986	62.111.520.925

Cộng

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Năm nay	Năm trước
590.636.669.098	547.197.540.518
208.313.156.954	183.130.006.805
13.241.990.722	13.062.502.921
101.615.664.864	81.375.210.272

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐỘNG KINH DOANH

- Chi phí bằng tiền khác

10.344.302.493	12.003.491.150
924.151.784.131	836.768.751.666

Cộng

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Năm nay	Năm trước
9.977.509.874	11.007.062.818
9.977.509.874	11.007.062.818

Cộng

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Năm nay	Năm trước
57.751.383.921	36.377.092.616
(7.863.834.549)	18.658.221.476

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN

+ Các khoản điều chỉnh tăng

1.690.460.953	18.658.221.476
593.425.385	40.324.606
61.017.434	517.308.894
131.814.970	47.245.075
-	17.433.980.401
756.000.000	502.380.000
148.203.164	116.982.500

Chi phí phạt chậm nộp, vi phạm hành chính

Chi phí không hợp lý hợp lệ

CLTG cuối kì (TGNH, phải thu)

Chi phí trích lập dự phòng

Lương HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành

Chi phí loại sau hoàn thuế GTGT

+ Các khoản điều chỉnh giảm

Trợ cấp thôi việc 2019

Dự phòng pthu năm 2019

Dự phòng hàng tồn kho năm 2019

- Tổng thu nhập trước chuyển lỗ

- Chuyển lỗ các năm trước

- Tổng thu nhập chịu thuế

- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường

49.887.549.372	55.035.314.092
-	-
49.887.549.372	55.035.314.092
9.977.509.874	11.007.062.818
9.977.509.874	11.007.062.818

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)

Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
47.773.874.047	25.370.029.798
-	5.074.005.960
13.802.140	12.576.638
3.461	1.614

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông

Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế

Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
47.773.874.047	25.370.029.798
-	5.074.005.960
13.802.140	12.576.638
3.461	1.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không phát sinh

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Năm nay

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

439.172.631.818

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

Năm nay

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

(439.394.249.622)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 10.757,1 m2 tại cụm Công Nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13.000 đồng/m2/năm nhân với hệ số vị trí đất. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

b) Cam kết không hủy ngang: Không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	Cổ đông góp vốn
Eland Asia Holdings Pte. LTD	Cổ đông góp vốn
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
E Service Co.,LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Retail Limited	Công ty cùng tập đoàn
Eland World LTD	Công ty cùng tập đoàn
Eland Construction Limited	Công ty cùng tập đoàn
Công Ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Suwaso Corporation	Công ty cùng tập đoàn
E.Nest Co.,LTD	Công ty cùng tập đoàn

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của HĐQT	1.134.200.840	897.570.000
Lương, thưởng của Ban GD	8.154.532.565	10.582.066.346

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Bán hàng	2.427.026.437	2.377.019.229
	Phân chia lợi nhuận	445.200.000	-
	Doanh thu điện	13.683.379	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	Mua hàng	659.710.000	433.632.19
	Chia cổ tức	1.992.932.900	1.355.737.00
	Bán hàng	-	312.985.45
Công ty TNHH Eland Việt Nam E Service Co.,LTD. Eland Asia Holdings Pte. LTD Eland Retail Limited Eland World LTD Eland Construction Limited	Mua hàng	405.145.000	-
	Bán hàng	2.991.491.236	3.295.932.42
	Bán hàng	13.897.852.057	10.787.724.98
	Chia cổ tức	4.003.771.800	2.723.655.00
	Bán hàng	-	3.696.232.77
	Bán hàng	-	132.810.12
	Bán hàng	114.450.439	129.415.16
	Phân chia lợi nhuận	-	176.739.98
	Doanh thu điện nước	-	9.434.36
E.Nest Co.,LTD Suwaso Corporation	Bán hàng	1.917.684.040	-
	Bán hàng	5.397.225.810	-
Công Ty TNHH Eland Engineering & Construction Việt	Bán hàng	127.311.636	-
	Mua hàng	2.689.347.400	-

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương Mại Thành Công	Phải thu	450.226.634	388.088.64
	Phải trả	322.400.000	-
Công ty TNHH Eland Việt Nam Suwaso Corporation	Phải thu	153.998.470	210.039.34
	Phải thu	1.489.316.407	-
Công Ty TNHH Eland Engineering	Phải trả	147.914.107	-
	Ứng trước	43.750.000	-

CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:
a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh - Báo cáo bộ phận chính yếu

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như sau:

- + Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,
- + Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,
- + Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Phân chia lợi nhuận khai thác tòa nhà

	Sản xuất		Kinh doanh Bất động sản		Cung cấp dịch vụ khác		Tổng cộng	
	31/12/2020	VND	31/12/2020	VND	31/12/2020	VND	31/12/2020	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	541.147.643.185		7.012.818.229		5.625.158.340		553.785.619.754	
Tổng tài sản hợp nhất	541.147.643.185		7.012.818.229		5.625.158.340		553.785.619.754	
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	243.433.181.182		3.154.689.246		2.530.455.794		249.118.326.222	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	243.433.181.182		3.154.689.246		2.530.455.794		249.118.326.222	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

	Sản xuất		Kinh doanh Bất động sản		Cung cấp dịch vụ khác		Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Tổng cộng	
Tổng doanh thu	923.016.855.193	11.961.521.979	944.573.015.578					
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Các khoản giảm trừ	1.340.495.755	-	1.340.495.755					
Doanh thu thuần	921.676.359.438	11.961.521.979	943.232.519.823					
Tổng chi phí:	842.192.002.315	15.413.936.329	874.124.779.947					
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	786.958.783.469	11.424.071.201	802.250.533.974					
- Giá vốn	786.958.783.469	11.424.071.201	802.250.533.974					
Chi phí bán hàng không phân bổ	37.294.619.942	13.306.479	37.314.308.987					
Chi phí quản lý không phân bổ	17.938.598.904	3.976.558.649	34.559.936.986					
- Chi phí quản lý	17.938.598.904	3.976.558.649	34.559.936.986					
- Chi phí quản lý loại trừ bộ phận	-	-	-					
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	5.857.189.007	324.505	6.983.141.458					
Chi phí tài chính	811.555.462	1.394.793	1.180.773.464					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	84.529.990.668	(3.453.484.638)	74.910.107.870					
Lãi / Lỗ khác	(16.449.100.389)	(828.576.914)	(17.158.723.949)					
Lợi nhuận trước thuế	68.080.890.279	(4.282.061.552)	57.751.383.921					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.977.509.874	-	9.977.509.874					
Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại	-	-	-					
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	58.103.380.405	(4.282.061.552)	47.773.874.047					

b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

5. Quản lý rủi ro của Công ty:

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá

Giá trị ghi sổ các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	Nợ phải trả
	VND	VND
Tiền gửi có gốc ngoại tệ	752.213.611	
Tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ	-	
Công nợ phải thu, phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ	54.171.073.843	(13.359.321.883)
Cộng	54.923.287.454	(13.359.321.883)

Phân tích độ nhạy

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng dolla Mỹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam tăng 10% thì tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty sẽ tăng tương ứng như sau:

Tiền gửi ngoại tệ sau khi cần trừ	41.563.965.571
Tỷ giá tăng	10%
Thay đổi Lợi nhuận trước thuế	4.156.396.557

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo không đáng kể.

c. Rủi ro về giá**Rủi ro về giá cổ phiếu:**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	60.302.991.260	-	-	60.302.991.260
Phải trả người bán	75.438.486.160	-	-	75.438.486.160
Chi phí phải trả	7.171.607.705	-	-	7.171.607.705
Các khoản phải trả khác	2.709.652.914	2.670.991.831	-	5.380.644.745
Số đầu năm				
Vay và nợ	60.306.453.590	-	-	60.306.453.590
Phải trả người bán	84.678.329.999	-	-	84.678.329.999
Chi phí phải trả	8.066.915.080	-	-	8.066.915.080
Các khoản phải trả khác	2.619.600.198	2.352.942.897	-	4.972.543.095

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.195.603.698	67.014.308.420	53.195.603.698	67.014.308.420
Phải thu khách hàng	133.764.425.425	73.545.987.787	133.764.425.425	73.545.987.787
Trả trước cho người bán	3.678.802.458	5.153.871.180	3.678.802.458	5.153.871.180
Các khoản phải thu khác	6.586.315.896	6.942.667.845	6.586.315.896	6.942.667.845
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	75.438.486.160	84.678.329.999	75.438.486.160	84.678.329.999
Người mua trả tiền trước	28.780.864.541	20.159.582.662	28.780.864.541	20.159.582.662
Vay và nợ	60.302.991.260	60.306.453.590	60.302.991.260	60.306.453.590
Phải trả người lao động	40.228.128.645	29.902.258.346	40.228.128.645	29.902.258.346
Chi phí phải trả	7.171.607.705	8.066.915.080	7.171.607.705	8.066.915.080
Các khoản phải trả khác	5.380.644.745	4.972.543.095	5.380.644.745	4.972.543.095

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay
Không có

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Huỳnh Nga

Kế toán trưởng

Mai Thị Huyền Thanh



Lim Hong Jin

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



SAVIMEX CORPORATION
Faster - Better - Cheaper

CTY CP HTKT & XNK SAVIMEX

TỔNG GIÁM ĐỐC



LIM HONG JIN